

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Dự thảo 3

NGHỊ ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định
về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực liên quan
đến thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các chức danh**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

*Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng
11 năm 2020;*

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 14 tháng 11 năm 2022;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị
định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực liên quan đến
thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các chức danh.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2020/NĐ-CP
ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành
chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia
đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã (được sửa đổi,
bổ sung tại Nghị định số 117/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2024 của
Chính phủ)**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 84 như sau:

“4. Chánh Thanh tra Cục Hỗ trợ tư pháp, Chánh Thanh tra Sở Tư pháp,
Trưởng đoàn thanh tra của Cục Hỗ trợ tư pháp, có quyền:”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 88 như sau:

“d) Cục trưởng Cục Hỗ trợ tư pháp xử phạt đối với các hành vi vi phạm
hành chính quy định tại Chương II; Mục 1 Chương III; các điều 65, 78, 79 và 80
Nghị định này;”.

3. Thay thế, bỏ cụm từ, bãi bỏ một số điểm, khoản của Nghị định như sau:

a) Thay thế cụm từ “Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham
nhũng, kinh tế, buôn lậu” bằng cụm từ “Trưởng phòng Cảnh sát điều tra về
tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường” tại điểm a khoản 6 Điều 88;

b) Bỏ cụm từ “Trưởng Công an cấp huyện;” tại khoản 1 Điều 87a và điểm
a khoản 6 Điều 88;

c) Bãi bỏ khoản 12 và khoản 16 Điều 82, khoản 3 và khoản 7 Điều 84, khoản 1 Điều 85 và điểm đ khoản 2 Điều 88.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 04/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 127/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ)

1. Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 3 Điều 37 như sau:

“3. Chánh Thanh tra tỉnh, Trưởng đoàn thanh tra của Bộ Giáo dục và Đào tạo có quyền:”.

2. Bỏ cụm từ “chuyên ngành” tại Điều 37 và khoản 2 Điều 39.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 3 Điều 72 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Người có thẩm quyền xử phạt quy định tại Điều 73, Điều 74, **Điều 74a**, Điều 75, Điều 76, Điều 78, Điều 79 và Điều 80 Nghị định này.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Công chức, viên chức, thanh tra viên thuộc cơ quan thanh tra nhà nước ngành Xây dựng được phân công thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, thanh tra hoặc thanh tra theo đoàn thanh tra.”.

2. Sửa đổi tên Điều 73 như sau:

“Điều 73. Thẩm quyền xử phạt của thanh tra viên được giao nhiệm vụ thanh tra trong lĩnh vực xây dựng”.

3. Bổ sung Điều 74a vào sau Điều 74 như sau:

“Điều 74a. Thẩm quyền xử phạt của Chánh Thanh tra tỉnh

1. Cảnh cáo.

2. Phạt tiền đến 500.000.000 đồng đối với hoạt động xây dựng, kinh doanh bất động sản; đến 210.000.000 đồng đối với hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng, quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật, quản lý, phát triển nhà.

3. Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ năng lực, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn.

4. Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính vi phạm có giá trị không vượt quá 1.000.000.000 đồng đối với các hoạt động xây dựng, kinh doanh bất động sản; đến 420.000.000 đồng đối với các hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng, quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật, quản lý, phát triển nhà.

5. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 4 Điều 4

Nghị định này.”.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 100/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ)

1. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của các khoản 2, 3 và 4 Điều 17 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Chánh Thanh tra sở có quyền:”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Chánh Thanh tỉnh, Trưởng đoàn thanh tra cấp bộ có quyền:”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chánh Thanh tra bộ, cơ quan ngang bộ có quyền:”.

2. Sửa đổi, bổ sung các khoản 4, 5, 6 và 7 Điều 18 như sau:

“4. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra đang thi hành công vụ thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ được Chính phủ phân công thực hiện các chỉ tiêu thống kê quốc gia gồm: Bộ Tài chính; Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Nội vụ; Bộ Tư pháp; Bộ Xây dựng; Bộ Công Thương; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Y tế; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Công an; Bộ Quốc phòng; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; các sở và cơ quan tương đương của các bộ, cơ quan ngang bộ nêu tại khoản này có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 5; khoản 1 Điều 7 của Nghị định này.

5. Chánh Thanh tra sở; Trưởng đoàn thanh tra cấp sở có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Điều 5; Điều 6; khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 7; Điều 8; Điều 9; khoản 1 Điều 10; khoản 1 Điều 11; khoản 1, 1a, 2 và 3 Điều 13; Điều 14 của Nghị định này.

6. Chánh Thanh tra tỉnh, Trưởng đoàn thanh tra cấp bộ có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Điều 5; Điều 6; Điều 7; Điều 8; Điều 9; Điều 10; Điều 11; khoản 1 Điều 12; Điều 13; Điều 14 của Nghị định này.

7. Chánh Thanh tra bộ, cơ quan ngang bộ quy định tại khoản 4 Điều này có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này.”.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư

1. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 73 như sau:

“Điều 73. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra Tài chính, Thanh tra tỉnh”.

2. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của các khoản 2, 3 và 4 Điều 76 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường thuộc Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương có quyền:”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương; Trưởng phòng Nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 77 như sau:

“1. Những người có thẩm quyền của Thanh tra tỉnh, Thanh tra Tài chính có quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 73 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.”.

4. Bổ sung, thay thế, bỏ một số cụm từ, bãi bỏ một số điểm, khoản của Nghị định như sau:

a) Bổ sung cụm từ “Chánh Thanh tra tỉnh,” vào trước cụm từ “Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành” tại khoản 3 Điều 73;

b) Thay thế cụm từ “Kế hoạch và Đầu tư” bằng cụm từ “Tài chính” tại tên điều và các khoản 2 và 4 Điều 73, khoản 3 Điều 79;

c) Thay thế cụm từ “Chi cục trưởng Chi cục Thuế” bằng cụm từ “Đội trưởng Đội Thuế” tại khoản 3 Điều 75;

d) Thay thế cụm từ “Cục trưởng Cục Thuế” bằng cụm từ “Chi Cục trưởng Chi cục Thuế” tại khoản 4 Điều 75;

đ) Thay thế cụm từ “Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Thuế” tại khoản 5 Điều 75;

g) Bãi bỏ khoản 2 Điều 75.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)

1. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 114 như sau:

a) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 1 như sau:

“1. Thanh tra viên và người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra đang thi hành công vụ có quyền:”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Chánh Thanh tra Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Trưởng đoàn thanh tra của Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Trung tâm Tần số khu vực có quyền:”;

c) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Chánh Thanh tra tỉnh, Trưởng đoàn thanh tra cấp bộ có quyền:”;

d) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu khoản 4 như sau:

“4. Chánh Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ, Chánh Thanh tra Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có quyền:”.

2. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của các khoản 2, 3 và 4 Điều 119 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường thuộc Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương có quyền:”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương; Trưởng phòng Nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:”.

c) Sửa đổi đoạn mở đầu khoản 4 như sau:

“4. Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:”.

3. Sửa đổi đoạn mở đầu của các khoản 3, 4 và 5 Điều 119a như sau:

a) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Đội trưởng Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu, Đội trưởng Đội Phúc tập và Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội Thông quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực; Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu; Đội trưởng Đội Kiểm tra sau thông quan khu vực thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan có quyền:”;

b) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan thuộc Cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực có quyền:”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 5 như sau:

“5. Cục trưởng Cục Hải quan có quyền:”.

4. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 120 như sau:

a) Sửa đổi điểm c và điểm d khoản 5 như sau:

“c) Đội trưởng Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu, Đội trưởng Đội Phúc tập và Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội Thông quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực; Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu; Đội trưởng Đội Kiểm tra sau thông quan khu vực thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan có quyền xử phạt vi phạm hành chính tại các khoản 1 và 2, các điểm a và b khoản 3, các điểm a và c khoản 4 Điều 5; các Điều 6, 7 và 8; các khoản 1 và 2 Điều 9; các Điều 10 và 11; các khoản 1 và 2 điểm b khoản 3 Điều 12; các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 13; các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 14; các khoản 1 và 2 Điều 15; các khoản 1, 2 và 3 Điều 16; khoản 1 Điều 18; Điều 20; khoản 1 Điều 24; các khoản 1 và 2, các điểm b và c khoản 3, khoản 4 Điều 25; các khoản 1 và 2 Điều 26; các khoản 1 và 2 Điều 28; các Điều 29, 30, 31 và 32; điểm b khoản 3, khoản 5, điểm a khoản 6, điểm c khoản 7 Điều 33; các khoản 1 và 2 Điều 34; các khoản 1 và 2, các điểm a và d khoản 3 Điều 35; các khoản 1 và 2 Điều 36; khoản 1 Điều 37; các khoản 1, 2 và 3 Điều 38; các khoản 1 và 2 Điều 39; các khoản 1 và 2 Điều 40; các khoản 1, 2 và 3 Điều 41; các khoản 1 và 2 Điều 42; Điều 44; các khoản 1 và 2 Điều 45; các khoản 1 và 2 Điều 46; Điều 50; các khoản 1 và 3 Điều 51; các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 53; Điều 54; khoản 1 Điều 55; điểm a khoản 1, các điểm a, b, g, h và m khoản 2, các điểm a, d, đ, e, g, h, i, k, l và m khoản 3 Điều 56; Điều 57; khoản 1, các điểm a, b và e khoản 2, các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 3 Điều 58; các khoản 1 và 2, điểm b khoản 3, khoản 4 Điều 62; các khoản 1 và 2 Điều 63; khoản 1 Điều 64; các Điều 65 và 66; khoản 1 Điều 68; các khoản 1 và 4 Điều 69; khoản 1 Điều 70; các khoản 1, 2 và 3 Điều 71; các khoản 1, 2 và 3 Điều 74; các khoản 1 và 2 Điều 77; các khoản 1, 2 và 3 Điều 78; các khoản 1, 2 và 3 Điều 79; khoản 1 Điều 81; các Điều 82 và 83; khoản 1 Điều 84; Điều 85; các khoản 1, 2 và 3 Điều 86; các khoản 1 và 2 Điều 87; các Điều 88 và 89; các khoản 1, 2 và 3 Điều 90; Điều 91; khoản 1, các điểm a, b và đ khoản 2 Điều 92; Điều 93; các khoản 1 và 2, điểm c khoản 3, các điểm a, b, đ, k, l, m, n, p, q, r, s và t khoản 4, khoản 5 Điều 94; các khoản 1 và 2 Điều 95; các khoản 1 và 2 Điều 96; khoản 1 Điều 98; Điều 99; khoản 1, các điểm a, e, g và i khoản 2 Điều 100; Điều 101; các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 102; các khoản 1, 2 và 3, các điểm a, b và d khoản 4 Điều 103; khoản 1, các điểm a, c, d và e khoản 2 Điều 104; các khoản 1 và 2, các điểm c và đ khoản 3 Điều 105; Điều 106; khoản 1, các điểm a, c và d khoản 2 Điều 107; khoản 1 Điều 108; các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 109; khoản 1 Điều 110; các khoản 1, 2 và 3 Điều 111; khoản 1 Điều 112; Điều 113 Nghị định này.

d) Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan thuộc Cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực có quyền xử phạt vi phạm hành chính tại các Điều 5, 6, 7, 8, 9, 10 và 11; các khoản 1 và 2, điểm b khoản 3 Điều 12; Điều 13; các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 14; các khoản 1, 2 và 3 Điều 15; các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 16; Điều 17; khoản 1 Điều 18; các Điều 20 và 21; các khoản 1 và 2 Điều 23; khoản 1 Điều 24; các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 25; các khoản 1, 2 và 3 Điều 26; khoản 1 Điều 27; các Điều 28, 29, 30, 31 và 32; các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11 và

12 Điều 33; các khoản 1, 2 và 3 Điều 34; các Điều 35, 36, 37, 38, 39, 40 và 41; các khoản 1 và 2, các điểm c, d và đ khoản 3, điểm c khoản 4 Điều 42; khoản 1 Điều 43; các Điều 44, 45, 46 và 47; khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 48; khoản 1 Điều 49; Điều 50; các khoản 1 và 3 Điều 51; các khoản 1 và 2 Điều 52; các Điều 53 và 54; các khoản 1, 2 và 3 Điều 55; các Điều 56 và 57; các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 58; khoản 1 Điều 59; các khoản 1 và 2, điểm b khoản 3, khoản 4 Điều 62; Điều 63; khoản 1 Điều 64, các Điều 65 và 66; khoản 1 Điều 68; các khoản 1 và 4 Điều 69; khoản 1 Điều 70; các Điều 71, 72 và 73; các khoản 1, 2 và 3 Điều 74; các khoản 1 và 2 Điều 77; các Điều 78, 79, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92 và 93; các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 94; các khoản 1, 2 và 3 Điều 95; các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 96; các Điều 98, 99, 100, 101 và 102; các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 103; các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 104; các Điều 105 và 106, các Chương VI và VII Nghị định này.”;

b) Sửa đổi điểm đ khoản 6 như sau:

“đ) Giám đốc Trung tâm Tần số khu vực có quyền xử phạt vi phạm hành chính tại các Điều 51, 54, và 57; các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 58; khoản 1 Điều 59; các Điều 61, 62, 63, 64, 65, 66 và 67; các Mục 2, 3 và 4 Chương IV; Điều 113 Nghị định này.”.

5. Bổ sung, thay thế, bỏ một số cụm từ, bãi bỏ một số điểm, khoản của Nghị định như sau:

a) Bổ sung cụm từ “Chánh Thanh tra tỉnh” vào trước cụm từ “Trưởng đoàn thanh tra” tại điểm e khoản 6 Điều 120.;

b) Thay thế cụm từ “Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu” bằng cụm từ “Trưởng phòng Cảnh sát điều tra về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường” tại khoản 4 Điều 116 và điểm d khoản 2 Điều 120;

c) Thay thế cụm từ “Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Hải quan” tại điểm đ khoản 5 Điều 120;

d) Thay thế cụm từ “Đội trưởng Đội Quản lý thị trường, Trưởng phòng Nghiệp vụ thuộc Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường” bằng cụm từ “Đội trưởng Đội Quản lý thị trường thuộc Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương” tại điểm b khoản 7 Điều 120;

đ) Thay thế cụm từ “Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường” bằng cụm từ “Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương; Trưởng phòng Nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước” tại điểm c khoản 7 Điều 120;

e) Thay thế cụm từ “Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước” tại điểm d khoản 7 Điều 120;

g) Bỏ các cụm từ “Trưởng Công an cấp huyện;”, “Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt;”, “Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ;”, “Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy;”, “Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường;” tại điểm d khoản 2 Điều 120;

h) Bãi bỏ khoản 2 Điều 119a; điểm b khoản 5, các điểm c, d, h, i và k khoản 6 Điều 120.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)

1. Sửa đổi, bổ sung các khoản 1, 2 và 4 Điều 33 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 1 như sau:

“1. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra đang thi hành công vụ có quyền:”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Chánh Thanh tra Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Trưởng đoàn thanh tra cấp Sở có thẩm quyền:”;

c) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chánh Thanh tra Bộ có thẩm quyền:”.

2. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu khoản 2 và khoản 3 Điều 37 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Đội trưởng Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu, Đội trưởng Đội Phục tập và Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội Thông quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu; Đội trưởng Đội Kiểm tra sau thông quan khu vực thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan có quyền:”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan thuộc Cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực có quyền:”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b và điểm c khoản 4 Điều 40a như sau:

“b) Đội trưởng Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu, Đội trưởng Đội Phục tập và Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội Thông quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu; Đội trưởng Đội Kiểm tra sau thông quan khu vực thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 15; khoản 2 Điều 28c; các điểm a, b và d khoản 2, khoản 4 Điều 30; điểm e

khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 31 Nghị định này;

c) Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan thuộc Cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các khoản 1, 2, 3 4 và 5 Điều 15; các khoản 2 và 3 Điều 28c; các điểm a, b và d khoản 2, khoản 4 Điều 30; điểm e khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 31 Nghị định này;”.

4. Bổ sung, thay thế, bỏ một số cụm từ, bãi bỏ một số điểm, khoản của Nghị định như sau:

a) Bổ sung cụm từ “Chánh Thanh tra tỉnh” vào trước cụm từ “Trưởng đoàn thanh tra cấp bộ” tại khoản 3 Điều 33 và điểm đ khoản 1 Điều 40a;

b) Thay thế cụm từ “Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu,” bằng cụm từ “Trưởng phòng Cảnh sát điều tra về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường” tại khoản 3 Điều 39 và điểm c khoản 6 Điều 40a;

c) Thay thế cụm từ “Đội trưởng Đội Quản lý thị trường, Trưởng phòng Nghiệp vụ thuộc Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường” bằng cụm từ “Đội trưởng Đội Quản lý thị trường thuộc Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương” tại khoản 1 Điều 38 và điểm a khoản 5 Điều 40a;

d) Thay thế cụm từ “Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường” bằng cụm từ “Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương; Trưởng phòng Nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước” tại khoản 2 Điều 38 và điểm b khoản 5 Điều 40a;

đ) Thay thế cụm từ “Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước” tại khoản 3 Điều 38 và điểm b khoản 5 Điều 40a;

e) Thay thế cụm từ “Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Hải quan” tại khoản 4 Điều 37 và điểm d khoản 4 Điều 40a;

g) Bỏ các cụm từ “Trưởng Công an cấp huyện;”, “Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt;”, “Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ;”, “Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy;”, “Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường,” tại khoản 3 Điều 39 và điểm c khoản 6 Điều 40a;

h) Bãi bỏ khoản 1 Điều 37; các điểm c, d, g và h khoản 1, điểm a khoản 4 Điều 40a.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 131/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 28/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ, Nghị định số

129/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ, Nghị định số 128/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ)

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 36 như sau:

“Điều 36. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính

Các chức danh quy định tại các Điều 37, 38, 39, 40a, 40b, 40c và 40d của Nghị định này; công chức, viên chức ngành văn hóa, thể thao và du lịch; người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân; chiến sĩ Bộ đội biên phòng; Trạm trưởng, Đội trưởng của chiến sĩ Bộ đội biên phòng; cảnh sát viên Cảnh sát biển; công chức Hải quan; Kiểm soát viên thị trường đang thi hành nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan thì được quyền lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định.”.

2. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 và khoản 4 Điều 38 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Chánh Thanh tra tỉnh, Trưởng Đoàn thanh tra cấp bộ có quyền:”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chánh Thanh tra Bộ, Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam có quyền:”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 5 Điều 40 như sau:

“a) Những người có thẩm quyền xử phạt của Thanh tra tỉnh, Thanh tra Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thanh tra Văn hóa và Thể thao có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 38 Nghị định này;”.

4. Sửa đổi, bổ sung các khoản 1, 2 và 3 Điều 40c như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 1 như sau:

“1. Đội trưởng Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu, Đội trưởng Đội Phúc tập và Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội Thông quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực; Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu; Đội trưởng Đội Kiểm tra sau thông quan khu vực thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan có quyền:”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan thuộc Cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực có quyền:”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Cục trưởng Cục Hải quan có quyền:”.

5. Sửa đổi đoạn mở đầu của các khoản 1, 2 và 3 Điều 40d như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 1 như sau:

“1. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường thuộc Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương có quyền:”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương; Trưởng phòng Nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:”.

6. Thay thế, bỏ một số cụm từ, bãi bỏ một số điểm, khoản của Nghị định như sau:

a) Thay thế cụm từ “Cục Hàng hải” bằng cụm từ “Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam” tại khoản 2 Điều 38;

b) Bỏ các cụm từ “Trưởng Công an cấp huyện;” tại khoản 4 Điều 39;

đ) Bỏ cụm từ “chuyên ngành” tại Điều 38;

e) Bãi bỏ điểm b khoản 5 Điều 40.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2019/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 129/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ)

1. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 và khoản 4 Điều 19 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Chánh Thanh tra tỉnh, Trưởng Đoàn thanh tra cấp bộ có quyền:”;

b) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chánh Thanh tra bộ, Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam có quyền:”.

2. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của các khoản 1, 2 và 3 Điều 21 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 1 như sau:

“1. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường thuộc Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương có quyền:”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương; Trưởng phòng Nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:”.

3. Thay thế, bỏ một số cụm từ của Nghị định như sau:

a) Bổ sung cụm từ “Thanh tra tỉnh,” vào trước cụm từ “Thanh tra Văn hóa, Thể thao và Du lịch” tại điểm a khoản 2 Điều 25;

b) Thay thế cụm từ “Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu” bằng cụm từ “Trưởng phòng Cảnh sát điều tra về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường” tại khoản 4 Điều 24;

c) Thay thế cụm từ “Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Xây dựng” tại điểm b khoản 2 Điều 25;

d) Thay thế cụm từ “Lao động – Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Nội vụ” tại điểm c khoản 2 Điều 25;

đ) Thay thế cụm từ “Tài nguyên – Môi trường” bằng cụm từ “Nông nghiệp – Môi trường” tại điểm d khoản 2 Điều 25;

e) Bỏ các cụm từ “Trưởng Công an cấp huyện;”, “Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt;”, “Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ;”, “Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy;”, “Trưởng phòng cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường,” tại khoản 4 Điều 24;

g) Bỏ cụm từ chuyên ngành tại Điều 19; khoản 2 Điều 25.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2019/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể thao (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 129/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ)

1. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 và khoản 4 Điều 22 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Chánh Thanh tra tỉnh, Trưởng Đoàn thanh tra cấp bộ có quyền:”.

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chánh Thanh tra bộ, Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Cục trưởng Cục Quản lý Dược, Cục trưởng Cục Quản lý khám, chữa bệnh và Cục trưởng Cục Phòng bệnh có quyền:”.

3. Bổ sung, thay thế, bỏ một số cụm từ của Nghị định như sau:

a) Bổ sung cụm từ “Thanh tra tỉnh,” vào trước cụm từ “Thanh tra Văn hóa, Thể thao và Du lịch” tại điểm a khoản 3 Điều 27;

b) Thay thế cụm từ “Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu” bằng cụm từ “Trưởng phòng Cảnh sát điều tra về tham

những, kinh tế, buôn lậu, môi trường” tại khoản 4 Điều 24;

c) Thay thế cụm từ “Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Xây dựng” tại điểm b khoản 3 Điều 27;

d) Bỏ các cụm từ “Trưởng Công an cấp huyện;”, “Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt;”, “Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ;”, “Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy;”, “Trưởng phòng cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường,” tại khoản 4 Điều 24;

đ) Bỏ cụm từ “chuyên ngành” tại Điều 22, khoản 3 Điều 27.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 129/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ, Nghị định số 128/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ)

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 63 như sau:

“2. Công chức, viên chức, người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân; chiến sĩ Bộ đội biên phòng; Trạm trưởng, Đội trưởng của chiến sĩ Bộ đội biên phòng; Đội trưởng Đội đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm; công chức hải quan; Đội trưởng, Tổ trưởng thuộc Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu; Tổ trưởng thuộc Đội Kiểm soát thuộc Chi cục Hải quan khu vực; Đội trưởng thuộc Đội Phúc tập và Kiểm tra sau thông quan đang thi hành công vụ, nhiệm vụ được giao trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo có quyền lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định.”.

2. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của các khoản 2, 3 và 4 Điều 65 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Chánh Thanh tra sở, Trưởng đoàn thanh tra cấp sở; Chánh Thanh tra Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Chánh Thanh tra Cục Hàng không Việt Nam, Chi cục trưởng Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm thuộc Sở Y tế, Chi cục trưởng Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng thuộc Cục Chăn nuôi và Thú y, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng thuộc Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chi cục trưởng Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường khu vực Trung Bộ, Chi cục trưởng Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường khu vực Nam Bộ thuộc Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường, Chi cục trưởng Chi cục về trồng trọt và bảo vệ thực vật, chăn nuôi, thú y, thủy sản, quản lý chất lượng nông lâm và thủy sản, thủy lợi, đê điều, phòng, chống thiên tai, lâm nghiệp, phát triển nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Trung tâm Tàn số vô tuyến điện khu vực có quyền;”

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Chánh Thanh tra tỉnh, Trưởng Đoàn thanh tra cấp bộ có quyền;”

c) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chánh Thanh tra bộ, Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm, Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư, Cục trưởng Cục Quản lý đất đai, Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Cục trưởng Cục Quản lý Dược, Cục trưởng Cục Quản lý khám, chữa bệnh, Cục trưởng Cục Phòng bệnh có quyền:”.

3. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của các khoản 1, 2 và 3 Điều 69 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu khoản 1 như sau:

“1. Đội trưởng Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu, Đội trưởng Đội Phúc tập và Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội Thông quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu; Đội trưởng Đội Kiểm tra sau thông quan khu vực thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan có quyền:”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực có quyền:”.

c) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Cục trưởng Cục Hải quan có quyền:”.

4. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của các khoản 1, 2 và 3 Điều 70 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 1 như sau:

“1. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường thuộc Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương có quyền:”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương; Trưởng phòng Nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 10 và khoản 12 Điều 71 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 10 như sau:

“10. Thanh tra Nông nghiệp và Môi trường xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 7 Điều 20, Mục 1 Chương III; hành vi quảng cáo trên bảng, băng - rôn không tuân theo quy định về khu vực đề điều tại điểm c khoản 3 Điều 42; các Điều 49, 57, 58, 59, 60, 61 và 62 Nghị định này.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 12 như sau:

12. Thanh tra xây dựng xử phạt đối với hành vi tại điểm b và điểm c khoản 5 Điều 17, hành vi treo, đặt, dán, vẽ các sản phẩm quảng cáo trên cột tín hiệu giao thông tại khoản 1, hành vi quảng cáo làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn giao thông tại điểm b khoản 2 Điều 34; hành vi quảng cáo trên bảng, băng - rôn không tuân theo quy định về khu vực hành lang an toàn giao thông, che khuất đèn tín hiệu giao thông, chằng ngang đường giao thông quy định tại điểm c khoản 3 Điều 42; Điều 43; khoản 2 Điều 44; khoản 2 Điều 46 và điểm b khoản 3 Điều 48 Nghị định này.

6. Bổ sung, thay thế, bỏ một số cụm từ, bãi bỏ một số điểm, khoản của Nghị định như sau:

a) Bổ sung cụm từ “Thanh tra tỉnh,” vào trước cụm từ “Thanh tra” tại khoản 7 Điều 71;

b) Thay thế cụm từ “Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu” bằng cụm từ “Trưởng phòng Cảnh sát điều tra về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường” tại khoản 4 Điều 66;

c) Thay thế cụm từ “Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Giáo dục và Đào tạo” tại khoản 13 Điều 71;

d) Bỏ cụm từ “chuyên ngành” tại khoản 1 Điều 65 và khoản 7 Điều 71;

đ) Bỏ các cụm từ “Trưởng Công an cấp huyện,” “Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt,” “Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ,” “Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy,” tại khoản 4 Điều 66;

e) Bãi bỏ khoản 8, khoản 11, khoản 14 Điều 71.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ)

1. Sửa đổi, bổ sung các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 29 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Chánh thanh tra Sở Y tế; Chánh Thanh tra Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chánh Thanh tra Sở Công Thương; Chánh Thanh tra Sở Văn hoá và Thể thao, Chánh Thanh tra Sở Du lịch, Chánh Thanh tra Sở Văn hoá, Thông tin, Thể thao và Du lịch; Chi cục trưởng Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm thuộc Sở Y tế; Chi cục trưởng Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng thuộc Cục Chăn nuôi và Thú y; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng thuộc Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Chi cục trưởng Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường khu vực Trung Bộ, Chi cục trưởng Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường khu vực Nam Bộ thuộc Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường; Chi cục trưởng Chi cục về trồng trọt và bảo vệ thực vật, chăn nuôi, thú y, thủy sản, quản lý chất lượng nông lâm và thủy sản, thủy lợi, đê điều, phòng, chống thiên tai, lâm nghiệp, phát triển nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp

và Môi trường có quyền.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Trưởng đoàn thanh tra cấp sở (gồm: Sở Y tế; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Du lịch, Sở Văn hoá, Thông tin, Thể thao và Du lịch) có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại khoản 2 Điều này.”;

c) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chánh Thanh tra tỉnh, Trưởng đoàn thanh tra cấp bộ của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công Thương, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có quyền.”;

d) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 5 như sau:

“5. Chánh Thanh tra Bộ Y tế; Chánh Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Chánh Thanh tra Bộ Công Thương; Chánh Thanh tra Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch; Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư có quyền.”.

2. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 4 Điều 30 như sau:

“4. Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh chính trị nội bộ; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng An ninh chính trị nội bộ; Trưởng phòng Cảnh sát điều tra về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường; Trưởng phòng Cảnh sát giao thông; Trưởng phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; Trưởng phòng An ninh kinh tế có quyền.”.

3. Sửa đổi, bổ sung các khoản 3, 4 và 5 Điều 33 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Đội trưởng Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu, Đội trưởng Đội Phúc tập và Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội Thông quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu; Đội trưởng Đội Kiểm tra sau thông quan khu vực thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan có quyền.”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực có quyền.”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 5 như sau:

“3. Cục trưởng Cục Hải quan có quyền.”.

4. Sửa đổi, bổ sung các khoản 2, 3 và 4 Điều 34 như sau:

a) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường thuộc Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương có quyền:”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương; Trưởng phòng Nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:”.

5. Thay thế, bỏ một số cụm từ, bãi bỏ một số khoản của Nghị định như sau:

a) Thay thế cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 2 Điều 27 và khoản 2 Điều 35;

b) Bỏ cụm từ “chuyên ngành” tại khoản 1 Điều 29; khoản 2 Điều 35;

c) Bãi bỏ khoản 2 Điều 33; khoản 7 Điều 35.

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ)

1. Sửa đổi các khoản 2, 3 và 4 Điều 104 như sau:

a) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Chánh Thanh tra các Sở, Trưởng đoàn thanh tra cấp sở có quyền:”;

b) Sửa đổi đoạn mở đầu khoản 3 như sau:

“3. Chánh Thanh tra Bộ; Cục trưởng Cục Quản lý Dược; Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh; Cục trưởng Cục Phòng bệnh có quyền:”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chánh Thanh tra tỉnh, Trưởng đoàn thanh tra cấp bộ có quyền:”.

2. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của các khoản 2, 3 và 4 Điều 105 như sau:

a) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường thuộc Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương có quyền:”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương; Trưởng phòng Nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:”.

3. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 4 Điều 106 như sau:

“4. Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh chính trị nội bộ; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh, gồm: Trưởng phòng An ninh kinh tế; Trưởng phòng An ninh chính trị nội bộ; Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trưởng phòng Cảnh sát giao thông; Trưởng phòng Cảnh sát điều tra về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường; Thủy đoàn trưởng có quyền:”.

4. Sửa đổi các khoản 3, 4 và 5 Điều 107 như sau:

a) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Đội trưởng Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu, Đội trưởng Đội Phúc tập và Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội Thông quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu; Đội trưởng Đội Kiểm tra sau thông quan khu vực thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan có quyền:”;

b) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“2. Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực có quyền:”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 5 như sau:

“3. Cục trưởng Cục Hải quan có quyền:”.

5. Sửa đổi Điều 111 như sau:

“Điều 111. Thẩm quyền xử phạt của cơ quan bảo hiểm xã hội

1. Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng đối với vi phạm hành chính về đóng bảo hiểm y tế;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm c, d, đ, e, g, h và i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

2. Trưởng đoàn thanh tra do Giám đốc bảo hiểm xã hội Việt Nam thành lập có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 52.500.000 đồng đối với vi phạm hành chính về đóng bảo

hiểm y tế;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 105.000.000 đồng đối với vi phạm hành chính về đóng bảo hiểm y tế;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm c, d, đ, e, g, h và i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 3 Nghị định này.”.

6. Bổ sung, thay thế, bỏ một số cụm từ, bãi bỏ một số khoản của Nghị định như sau:

a) Bổ sung cụm từ “Thanh tra tỉnh,” trước cụm từ “người có thẩm quyền xử phạt của Thanh tra y tế,” tại khoản 2 Điều 112;

b) Thay thế cụm từ “Chi cục trưởng Chi cục Thuế” bằng cụm từ “Đội trưởng Đội Thuế” tại khoản 3 Điều 110;

c) Thay thế cụm từ “Cục trưởng Cục Thuế” bằng cụm từ “Chi Cục trưởng Chi cục Thuế” tại khoản 4 Điều 110;

d) Thay thế cụm từ “Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Thuế” tại khoản 5 Điều 110;

đ) Thay thế cụm từ “giao thông vận tải” bằng cụm từ “xây dựng” tại khoản 12 Điều 112;

e) Thay thế cụm từ “nông nghiệp và phát triển nông thôn” bằng cụm từ “nông nghiệp và môi trường” tại khoản 12 và khoản 13 Điều 112;

g) Bỏ cụm từ “chuyên ngành” tại khoản 1 Điều 104 và khoản 2 Điều 112;

h) Bãi bỏ khoản 2 Điều 107; khoản 2 Điều 110; khoản 10 Điều 112.

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 142/2017/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ)

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 60 như sau:

a) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 1 như sau:

“1. Thanh tra viên thuộc Thanh tra Bộ Xây dựng, Thanh tra viên được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra trong lĩnh vực hàng hải đang thi hành công vụ có quyền:”;

b) Sửa đổi đoạn mở đầu khoản 2 như sau:

“2. Chánh Thanh tra Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Trưởng đoàn thanh tra Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam có quyền:”;

c) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Chánh Thanh tra tỉnh, Trưởng đoàn thanh tra Bộ Xây dựng có quyền:”;

d) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chánh Thanh tra Bộ Xây dựng có quyền:”.

2. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 2 Điều 61 như sau:

“2. Giám đốc Cảng vụ hàng hải, Trưởng đoàn thanh tra của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam có quyền:”.

3. Sửa đổi tên điều và đoạn mở đầu của Điều 62 như sau:

“Điều 62. Thẩm quyền của Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam

Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam có quyền:”.

4. Thay thế, bỏ một số cụm từ của Nghị định như sau:

a) Thay thế cụm từ “Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy,” bằng cụm từ “Trưởng phòng Cảnh sát giao thông” tại khoản 4 và khoản 7 Điều 64;

b) Thay thế cụm từ “Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường” bằng cụm từ “Trưởng phòng Cảnh sát điều tra về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường” tại khoản 4 và khoản 7 Điều 64;

c) Bỏ các cụm từ “Trưởng Công an cấp huyện;” tại khoản 4 và khoản 7 Điều 64.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 162/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ)

1. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 và khoản 4 Điều 31 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Chánh Thanh tra tỉnh, Trưởng đoàn thanh tra của Bộ Xây dựng có quyền:”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chánh Thanh tra Bộ Xây dựng, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam có quyền:”.

2. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 37 như sau:

“b) Công chức thuộc Thanh tra Bộ Xây dựng, Thanh tra Cục Hàng không Việt Nam khi thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm;”.

3. Bổ sung, thay thế, bỏ một số cụm từ của Nghị định như sau:

a) Bổ sung cụm từ “Thanh tra tỉnh,” vào trước cụm từ “lực lượng thanh tra” tại đoạn mở đầu của Điều 36;

b) Thay thế cụm từ “Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường” bằng cụm từ “Trưởng phòng Cảnh sát điều tra về tham nhũng, kinh

tế, buôn lậu, môi trường” tại khoản 4 Điều 34;

c) Bỏ cụm từ “chuyên ngành” tại Điều 31 và Điều 33.

d) Bỏ các cụm từ “Trưởng Công an cấp huyện;”, “Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt;”, “Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ;”, “Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường,” tại khoản 4 Điều 34.

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ và Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ)

1. Sửa đổi, bổ sung các khoản 2, 3 và 4 Điều 77 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Chánh Thanh tra Sở Xây dựng/Sở Giao thông công chính, Chánh Thanh tra Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chánh Thanh tra Cục Hàng không Việt Nam, Chánh Thanh tra Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Thủ trưởng cơ quan quản lý đường bộ ở khu vực thuộc Cục Đường bộ Việt Nam, Trưởng đoàn thanh tra của Sở Xây dựng/Sở Giao thông công chính, Trưởng đoàn thanh tra của Sở Nông nghiệp và Môi trường có quyền.”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Chánh Thanh tra tỉnh, Trưởng đoàn thanh tra của Bộ Xây dựng, Trưởng đoàn thanh tra của Bộ Nông nghiệp và Môi trường có quyền.”;

c) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chánh Thanh tra Bộ Xây dựng, Chánh Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam có quyền.”.

2. Thay thế, bỏ một số cụm từ của Nghị định như sau:

a) Thay thế cụm từ “giao thông vận tải” bằng cụm từ “Xây dựng/Giao thông công chính” tại khoản 5 và khoản 7 Điều 74;

b) Thay thế cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng/Sở Giao thông công chính” tại khoản 1 Điều 79;

c) Thay thế cụm từ “Cảng vụ đường thủy nội địa” bằng cụm từ “Cảng vụ đường thủy” tại tên điều và khoản 5, khoản 6 Điều 77;

d) Bỏ cụm từ “chuyên ngành” tại Điều 74 và khoản 1 Điều 77;

đ) Bỏ các cụm từ “Trưởng Công an cấp huyện;”, “Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt;”, “Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ;” tại khoản 4 Điều 76.

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ; trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe

1. Thay thế cụm từ “Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Xây dựng/Giao thông công chính” tại khoản 2 và khoản 3 Điều 44; khoản 2 Điều 46;
2. Thay thế cụm từ “Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Xây dựng” tại khoản 4 Điều 44;
3. Bỏ cụm từ “Trưởng Công an cấp huyện;” tại khoản 4 Điều 43;
4. Bỏ cụm từ “chuyên ngành” tại khoản 5 Điều 41, tên điều và khoản 1 Điều 44;
5. Bỏ cụm từ “Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam” tại khoản 4 Điều 44.

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa

1. Sửa đổi khoản 3 Điều 42 như sau:

“3. Thanh tra Bộ Xây dựng, cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm được giao có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định từ Điều 5 đến Điều 41 tại Chương II của Nghị định này.”.
2. Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 43 như sau:

“c) Cảng vụ viên Cảng vụ Đường thủy; Cảng vụ viên Cảng vụ Hàng hải.”.
3. Sửa đổi đoạn mở đầu của các khoản 2, 3 và 4 Điều 46 như sau:
 - a) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Chánh Thanh tra Sở Xây dựng/Sở Giao thông công chính; Trưởng đoàn thanh tra Sở Xây dựng/Sở Giao thông công chính; Trưởng đoàn thanh tra Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Trưởng đoàn thanh tra Chi cục Hàng hải và Đường thủy, Chi cục Hàng hải và Đường thủy phía Bắc, Chi cục Hàng hải và Đường thủy phía Nam; Chi cục trưởng Chi cục Hàng hải và Đường thủy, Trưởng đoàn thanh tra Cảng vụ Đường thủy có quyền:”;
 - b) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Chánh Thanh tra tỉnh, Trưởng đoàn thanh tra của Bộ Xây dựng có quyền:”;
 - c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chánh Thanh tra Bộ Xây dựng, Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam có quyền:”.

4. Sửa đổi tên điều và đoạn mở đầu của khoản 1 và khoản 2 Điều 47 như sau:

a) Sửa đổi tên điều và đoạn mở đầu của khoản 1 như sau:

“Điều 47. Thẩm quyền xử phạt của Cảng vụ Đường thủy

1. Trưởng đại diện Cảng vụ Đường thủy có quyền:”;

b) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Giám đốc Cảng vụ Đường thủy có quyền:”.

5. Bổ sung, thay thế, bỏ một số cụm từ của Nghị định như sau:

a) Bổ sung cụm từ “Thanh tra tỉnh,” vào trước cụm từ “Thanh tra” tại Điều 46;

b) Thay thế cụm từ “Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Xây dựng/Giao thông công chính” tại khoản 4 Điều 42;

c) Thay thế cụm từ “Chi cục Đường thủy nội địa” bằng cụm từ “Chi cục Hàng hải và Đường thủy, Chi cục Hàng hải và Đường thủy phía Bắc, Chi cục Hàng hải và Đường thủy phía Nam” tại khoản 5 Điều 42;

d) Thay thế cụm từ “Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu” bằng cụm từ “Trưởng phòng Cảnh sát điều tra về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường” tại khoản 4 Điều 45;

đ) Bỏ cụm từ “nội địa” tại khoản 6 và khoản 10 Điều 42, Điều 47;

e) Bỏ các cụm từ “Trưởng Công an cấp huyện;”, “Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy;”, “Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường,” tại khoản 4 Điều 45.

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 37/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ)

1. Sửa đổi các khoản 2, 3 và 4 Điều 40 như sau:

a) Sửa đổi đoạn mở đầu khoản 2 như sau:

“2. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường thuộc Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương có quyền:”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương; Trưởng phòng Nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“3. Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:”.

2. Thay thế, bỏ một số cụm từ của Nghị định như sau:

a) Thay thế cụm từ “Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường,” bằng cụm từ “Trưởng phòng Cảnh sát điều tra về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường” tại khoản 4 Điều 39;

b) Bỏ các cụm từ “Trưởng Công an cấp huyện;”, “Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu;”, “Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt;”, “Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ;”, “Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy,” tại khoản 4 Điều 39.

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 162/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 23/2017/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ và Nghị định số 37/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ)

1. Sửa đổi đoạn mở đầu của các khoản 1, 2 và 3 Điều 30 như sau:

a) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 1 như sau:

“1. Đội trưởng Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu, Đội trưởng Đội Phúc tập và Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội Thông quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu; Đội trưởng Đội Kiểm tra sau thông quan khu vực thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan có quyền:”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực có quyền:”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Cục trưởng Cục Hải quan có quyền:”.

2. Sửa đổi, bổ sung tên điều và một số điểm, khoản của Điều 31 như sau:

a) Sửa đổi tên điều và đoạn mở đầu của điều như sau:

“Điều 31. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra Hàng hải, Cảng vụ Hàng hải, Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Trưởng đoàn Thanh tra, Chánh Thanh tra tỉnh, Chánh Thanh tra Bộ Xây dựng

Thanh tra Hàng hải, Cảng vụ Hàng hải, Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam và các chức danh Trưởng đoàn Thanh tra, Chánh Thanh tra tỉnh, Chánh Thanh tra Bộ Xây dựng có quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm được quy định tại các Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 24 và Điều 25 Nghị định này thuộc lĩnh vực, phạm vi địa bàn quản lý của mình như sau:”.

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Chánh Thanh tra tỉnh, Trưởng đoàn thanh tra Bộ Xây dựng có quyền:”.

c) Sửa đổi đoạn mở đầu khoản 3 như sau:

“3. Chánh Thanh tra Bộ Xây dựng, Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam có quyền:”.

3. Sửa đổi, bổ sung các khoản 1, 2 và 3 Điều 31a như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 1 như sau:

“1. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường thuộc Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương có quyền:”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương; Trưởng phòng Nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản của 3 như sau:

“3. Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:”.

4. Sửa đổi khoản 6 và khoản 8 Điều 33 như sau:

a) Sửa đổi khoản 6 Điều 33 như sau:

“6. Công chức Hải quan, những người có thẩm quyền xử phạt của lực lượng Hải quan tại Điều 30 lập biên bản đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại các khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 5, Điều 15 và Điều 17 Nghị định này.”;

b) Sửa đổi khoản 8 Điều 33 như sau:

“8. Thanh tra viên bảo vệ môi trường, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra bảo vệ môi trường của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đang thi hành công vụ, lập biên bản đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 8a, Điều 8b, Điều 8c, Điều 26, Điều 26a, Điều 26b, Điều 26c, Điều 27, Điều 27a và Điều 27b Nghị định này.”.

5. Thay thế, bỏ một số cụm từ của Nghị định như sau:

a) Thay thế cụm từ “Cục Kiểm ngư” bằng cụm từ “Cục Thủy sản và Kiểm ngư” tại khoản 4 Điều 32;

b) Thay thế cụm từ “Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” tại Điều 32a;

c) Thay thế cụm từ “Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Xây dựng” tại khoản 4 Điều 33.

d) Thay thế cụm từ “Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu” bằng cụm từ “Trưởng phòng Cảnh sát điều tra về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường” tại khoản 4 Điều 29a;

đ) Bỏ các cụm từ “Trưởng Công an cấp huyện;”, “Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy;”, “Trưởng phòng cảnh sát phòng, chống tội phạm môi trường;” tại khoản 4 Điều 29a;

Điều 21. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 37/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ)

1. Sửa đổi, bổ sung các khoản 2, 3 và 4 Điều 19 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường thuộc Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương có quyền:”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương; Trưởng phòng Nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:”.

2. Sửa đổi, bổ sung các khoản 3, 4 và 5 Điều 20 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Đội trưởng Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu, Đội trưởng Đội Phục tập và Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội Thông quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu; Đội trưởng Đội Kiểm tra sau thông quan khu vực thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan có quyền:”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực có quyền:”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 5 như sau:

“5. Cục trưởng Cục Hải quan có quyền:”.

3. Thay thế, bỏ một số cụm từ, bãi bỏ một số khoản của Nghị định như sau:

a) Thay thế cụm từ “Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu” bằng cụm từ “Trưởng phòng Cảnh sát điều tra về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường” tại khoản 4 Điều 17;

b) Thay thế cụm từ “Cảng vụ đường thủy nội địa” bằng cụm từ “Cảng vụ

đường thủy” tại Điều 22 và khoản 8 Điều 24;

c) Thay thế cụm từ “Kiểm ngư” bằng cụm từ “Thủy sản và Kiểm ngư” tại khoản 4 Điều 23;

đ) Bỏ các cụm từ “Trưởng Công an cấp huyện;”, “Trưởng phòng Cảnh sát giao thông hoặc Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt;”, “Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ;” “Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy” tại khoản 4 Điều 17;

e) Bãi bỏ khoản 2 Điều 20.

Điều 22. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 18/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)

1. Sửa đổi, bổ sung tên điều, đoạn mở đầu của điều và đoạn mở đầu của các khoản 2, 3 và 4 Điều 15 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên điều và đoạn mở đầu của điều như sau:

“Điều 15. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của thanh tra

Thanh tra tỉnh, thanh tra và cơ quan được giao nhiệm vụ thanh tra nông nghiệp và môi trường có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ quy định tại Chương II Nghị định này, cụ thể theo quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này.”;

b) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Chánh Thanh tra Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trưởng đoàn thanh tra cấp sở có quyền:”;

c) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Chánh Thanh tra tỉnh, Trưởng đoàn thanh tra cấp bộ có quyền:”;

d) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chánh Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Cục trưởng Cục Quản lý đất đai có quyền:”.

2. Sửa đổi đoạn mở đầu của các khoản 1, 2 và 3 Điều 19 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 1 như sau:

“1. Đội trưởng Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu, Đội trưởng Đội Phục tập và Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội Thông quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu; Đội trưởng Đội Kiểm tra sau thông quan khu vực thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan có quyền:”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu, Chi cục trưởng Chi

cục Kiểm tra sau thông quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực có quyền:”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Cục trưởng Cục Hải quan có quyền:”.

3. Sửa đổi, bổ sung các khoản 1, 2 và 3 Điều 20 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 1 như sau:

“1. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường thuộc Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương có quyền:”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương; Trưởng phòng Nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:”.

4. Sửa đổi khoản 4 Điều 22 như sau:

“4. Chánh Thanh tra các Bộ: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường, Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm, Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam có quyền:”.

5. Thay thế, bỏ một số cụm từ của Nghị định như sau:

a) Thay thế cụm từ “Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu” bằng cụm từ “Trưởng phòng Cảnh sát điều tra về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường” tại khoản 2 Điều 16;

b) Thay thế cụm từ “Cảng vụ Đường thủy nội địa” bằng cụm từ “Cảng vụ đường thủy” tại Điều 21;

c) Bỏ các cụm từ “Trưởng Công an cấp huyện,”, “Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt,”, “Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ,”, “Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy,” tại khoản 2 Điều 16;

d) Bỏ cụm từ “chuyên ngành” tại khoản 1 Điều 15 và Điều 22.

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều

1. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của các khoản 2, 3 và 4 Điều 39 như sau:

a) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Chánh Thanh tra Sở Nông nghiệp và Môi trường; Trưởng đoàn thanh tra Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chi cục trưởng Chi cục chuyên ngành về

phòng, chống thiên tai, thủy lợi, đê điều, có quyền:”;

b) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Chánh Thanh tra tỉnh, Trưởng đoàn thanh tra Bộ Nông nghiệp và Môi trường có quyền:”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chánh Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Môi trường có quyền:”.

2. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 2 Điều 41 như sau:

“2. Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Thủy Đoàn trưởng; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trưởng phòng Cảnh sát điều tra về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát cơ động, Trưởng phòng Cảnh sát bảo vệ, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Trung đoàn trưởng Trung đoàn Cảnh sát cơ động, có quyền:”.

3. Sửa đổi tên điều và đoạn mở đầu của khoản 1 Điều 44 như sau:

a) Sửa đổi tên điều và đoạn mở đầu của khoản 1 như sau:

“Điều 44. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra xây dựng

“1. Chánh Thanh tra Sở Xây dựng/Sở Giao thông công chính, Chánh Thanh tra Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Trưởng đoàn thanh tra của Sở Xây dựng/Sở Giao thông công chính; Thủ trưởng cơ quan quản lý đường bộ ở khu vực thuộc Cục Đường bộ Việt Nam có quyền:”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Trưởng đoàn thanh tra của Bộ Xây dựng có quyền:”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

3. Chánh Thanh tra Bộ Xây dựng, Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam có quyền:”.

3. Sửa đổi tên điều và đoạn mở đầu của khoản 1 Điều 45 như sau:

a) Sửa đổi tên điều và đoạn mở đầu của khoản 1 như sau:

“Điều 44. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra nông nghiệp và môi trường

“1. Thanh tra viên, người được giao nhiệm vụ thanh tra có quyền:”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Chánh Thanh tra Sở Nông nghiệp và Môi trường; Trưởng đoàn thanh tra Sở nông nghiệp và Môi trường có quyền:”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Chánh Thanh tra tỉnh, Trưởng đoàn thanh tra Bộ Nông nghiệp và Môi trường có quyền:”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chánh Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Cục trưởng Quản lý đất đai có quyền:”.

4. Thay thế, bỏ một số cụm từ của Nghị định như sau:

a) Thay thế cụm từ “Cục trưởng Cục Kiểm ngư” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư” tại khoản 3 Điều 40;

b) Thay thế cụm từ “chuyên ngành Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Xây dựng” tại khoản 7 Điều 47;

c) Thay thế cụm từ “chuyên ngành tài nguyên và môi trường” bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 8 Điều 47;

d) Bỏ cụm từ “nội địa” tại Điều 46;

đ) Bỏ cụm từ “chuyên ngành” tại khoản 2 Điều 47.

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)

1. Sửa đổi tên điều và đoạn mở đầu của các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 63 như sau:

a) Sửa đổi tên điều và đoạn mở đầu của khoản 1 như sau:

“Điều 63. Thẩm quyền của Thanh tra

1. Thanh tra viên được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường đang thi hành công vụ có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II và Chương III Nghị định này, cụ thể như sau:”;

b) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Chánh Thanh tra Sở Nông nghiệp và Môi trường có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II và Chương III Nghị định này, cụ thể như sau:”.

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chánh Thanh tra tỉnh, Trưởng đoàn thanh tra do Bộ Nông nghiệp và Môi trường thành lập có quyền có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II và Chương III Nghị định này, cụ thể như sau:”.

d) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 5 như sau:

“5. Chánh Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Môi trường có quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản quy định tại Chương II và Chương III Nghị định này, Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam có quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản quy định tại Chương III Nghị định này, cụ thể như sau:”.

2. Sửa đổi đoạn mở đầu của các khoản 2, 3 và 4 Điều 65 như sau:

a) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Chánh Thanh tra Sở Công Thương; Trưởng đoàn thanh tra của Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chi cục trưởng Chi cục chuyên ngành về thủy lợi, đê điều; có quyền:”;

b) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Trưởng đoàn thanh tra của Bộ Công Thương, Chánh Thanh tra Bộ Công Thương; Trưởng đoàn thanh tra của Bộ Nông nghiệp và Môi trường có quyền:”.

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chánh Thanh tra Bộ Công Thương, Chánh Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Môi trường có quyền:”.

3. Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 Điều 66 như sau:

“4. Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường; Trưởng phòng An ninh kinh tế, Thủy đoàn trưởng có quyền:”.

4. Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 69 như sau:

“b) Công chức được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra đang thi hành công vụ về lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.”.

5. Bỏ cụm từ “chuyên ngành” tại tên điều, đoạn mở đầu và khoản 1 Điều 65 và bãi bỏ khoản 3 Điều 63 của Nghị định.

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2022 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 57 như sau:

“4. Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát điều tra về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường và Trưởng phòng Quản lý xuất nhập cảnh đang thi hành công vụ có quyền:”.

2. Sửa đổi tên điều và đoạn mở đầu các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 58 như sau:

a) Sửa đổi tên điều và đoạn mở đầu của khoản 1 như sau:

“Điều 58. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của thanh tra

1. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra trong

lĩnh vực tài nguyên và môi trường đang thi hành công vụ có quyền.”.

b) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Chánh thanh tra Sở Nông nghiệp và Môi trường có quyền.”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Chánh Thanh tra tỉnh, Trưởng đoàn thanh tra của Bộ Nông nghiệp và Môi trường có quyền.”;

d) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chánh thanh tra Bộ Nông nghiệp và Môi trường có quyền.”.

3. Sửa đổi đoạn mở đầu của các khoản 3, 4 và 5 Điều 62 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu khoản 3 như sau:

“3. Đội trưởng Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu, Đội trưởng Đội Phúc tập và Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội Thông quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu; Đội trưởng Đội Kiểm tra sau thông quan khu vực thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan có quyền.”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực có quyền.”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 5 như sau:

“5. Cục trưởng Cục Hải quan có quyền.”.

4. Sửa đổi tên điều và một số điểm, khoản của Điều 63 như sau:

a) Sửa đổi tên điều như sau:

“Điều 63. Thẩm quyền của Kiểm lâm, Kiểm ngư và Thanh tra Nông nghiệp và Môi trường”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 8 như sau:

“8. Chánh Thanh tra Sở Nông nghiệp và Môi trường có quyền.”;

c) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 11 như sau:

“11. Cục trưởng Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm có quyền.”;

d) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 12 như sau:

“12. Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư có quyền.”;

đ) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 13 như sau:

“13. Cục trưởng Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm, Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư có quyền.”.

5. Sửa đổi đoạn mở đầu các khoản 3, 5 và 7 của Điều 64 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường thuộc Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương có quyền:”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 5 như sau:

“5. Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương; Trưởng phòng Nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 7 như sau:

“7. Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:”.

6. Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 3 và khoản 4 Điều 65 như sau:

a) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Chánh Thanh Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Chánh Thanh tra Cục Hàng không Việt Nam có quyền:”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chánh Thanh tra tỉnh, Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam có quyền:”.

7. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 68 như sau:

“b) Chánh Thanh tra tỉnh, Thanh tra nông nghiệp và môi trường có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II Nghị định này;”.

8. Thay thế, bỏ cụm từ, bãi bỏ một số khoản của Nghị định như sau:

a) Thay thế cụm từ “Cảng vụ đường thủy nội địa” bằng cụm từ “Cảng vụ đường thủy” tại tên điều và khoản 1, khoản 2 Điều 65, điểm h khoản 1 Điều 68;

b) Thay thế cụm từ “Quản lý môi trường y tế” bằng cụm từ “Phòng bệnh” tại Điều 67, điểm m khoản 1 Điều 68;

c) Bỏ cụm từ “chuyên ngành” tại Điều 64 và Điều 68;

d) Bãi bỏ khoản 2 Điều 62 và khoản 10 Điều 63.

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai

Sửa đổi tên điều và đoạn mở đầu của các khoản 1, 2 và 3 Điều 31 như sau:

1. Sửa đổi tên điều và đoạn mở đầu của khoản 1 như sau:

“Điều 31. Thẩm quyền của thanh tra

1. Chánh Thanh tra Sở Nông nghiệp và Môi trường có quyền:”;

2. Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Chánh Thanh tra tỉnh, Trưởng đoàn thanh tra do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường thành lập có quyền:”.

3. Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Chánh Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cục trưởng Cục Quản lý đất đai có quyền:”.

Điều 27. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn

1. Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 3 Điều 18 như sau:

“3. Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông; Thủy đoàn trưởng; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Phòng Cảnh sát điều tra về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng An ninh kinh tế; Trung đoàn trưởng Trung đoàn Cảnh sát cơ động có quyền:”.

2. Sửa đổi tên điều, đoạn mở đầu của các khoản 1, 2 và 3 Điều 22 như sau:

a) Sửa đổi tên điều như sau:

“Điều 22. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của thanh tra xây dựng, công thương, nông nghiệp và môi trường, khoa học và công nghệ, văn hóa, thể thao và du lịch”;

b) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 1 như sau:

“1. Chánh thanh tra Cục Hàng không Việt Nam; Chánh Thanh tra, Trưởng đoàn thanh tra các sở quản lý nhà nước về: công thương, nông nghiệp và môi trường, khoa học và công nghệ, xây dựng, văn hóa, thể thao và du lịch Chánh thanh tra Cục Hàng không Việt Nam có quyền:”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Trưởng đoàn thanh tra các bộ quản lý nhà nước về: xây dựng, công thương, nông nghiệp và môi trường, khoa học và công nghệ, văn hóa, thể thao và du lịch có quyền:”;

d) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Chánh Thanh tra các bộ quản lý nhà nước về: xây dựng, công thương, nông nghiệp và môi trường, khoa học và công nghệ, văn hóa, thể thao và du lịch; Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam có quyền:”.

3. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 24 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Thanh tra tỉnh, Thanh tra nông nghiệp và môi trường có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II Nghị định này và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo thẩm quyền.”.

b) Sửa đổi các khoản 6, 7, 8, 9, 10 và 11 như sau:

“6. Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ hàng không, Cảng vụ đường thủy có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực và phạm vi quản lý của mình đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các Điều 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 và 13 Nghị định này và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo thẩm quyền.

7. Thanh tra công thương có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực và phạm vi quản lý của mình đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 3 Điều 7 và Điều 9 Nghị định này và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo thẩm quyền.

8. Thanh tra xây dựng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực và phạm vi quản lý của mình đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các Điều 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 và 13 Nghị định này và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo thẩm quyền.

9. Thanh tra nông nghiệp và môi trường có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực và phạm vi quản lý của mình đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 3 Điều 7 và Điều 9 Nghị định này và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo thẩm quyền.

10. Thanh tra văn hóa, thể thao và du lịch có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực và phạm vi quản lý của mình đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 8 Nghị định này và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo thẩm quyền.

11. Thanh tra xây dựng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực và phạm vi quản lý của mình đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm b và điểm c khoản 1, khoản 4 và khoản 5 Điều 12 Nghị định này và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo thẩm quyền.”.

4. Thay thế, bỏ một số cụm từ của Nghị định như sau:

a) Thay thế cụm từ “Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Nông nghiệp và Môi trường” tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 17;

b) Thay thế cụm từ “Cảng vụ đường thủy nội địa” bằng cụm từ “Cảng vụ đường thủy” tại Điều 21 và khoản 6 Điều 24;

c) Bỏ cụm từ “chuyên ngành” tại Điều 17.

Điều 28. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 17/2022/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, đoạn mở đầu của các khoản 2, 3, 7 và 9 Điều 35 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 như sau:

1. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra về lĩnh vực điện lực, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đang thi hành công vụ có thẩm quyền xử phạt cảnh cáo đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 29 và điểm a khoản 1 Điều 30 Nghị định này.”;

b) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 2 như sau

“2. Chánh Thanh tra Sở Công Thương, Trưởng đoàn thanh tra cấp sở về lĩnh vực điện lực, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại các điều, khoản từ khoản 1 đến khoản 3 Điều 5; khoản 1, khoản 2 Điều 6; từ khoản 1 đến khoản 5 Điều 9; từ khoản 1 đến khoản 7 Điều 11; từ khoản 1 đến khoản 6 và khoản 8 Điều 12; từ khoản 1 đến khoản 4 Điều 15; khoản 1, khoản 2 Điều 16; từ khoản 1 đến khoản 3 Điều 17; Điều 18; khoản 1, khoản 2 Điều 19; khoản 1, khoản 2 Điều 20; Điều 21; Điều 22; Điều 24; Điều 25; từ khoản 1 đến khoản 3 Điều 26; Điều 27; Điều 28; Điều 29; từ khoản 1 đến khoản 5 Điều 30; Điều 31 và khoản 1 Điều 32 Nghị định này.”;

c) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Chánh Thanh tra Sở Xây dựng/Sở Giao thông công chính có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm d và điểm e khoản 2, điểm d khoản 3 Điều 15, Điều 24, Điều 25 và **Điều 26** Nghị định này trong phạm vi quản lý.”.

d) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 7 như sau:

“7. Chánh Thanh tra Bộ Xây dựng có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi quy định tại điểm d và điểm e khoản 3, điểm d khoản 4 Điều 15, Điều 24, Điều 25 và Điều 26 Nghị định này trong phạm vi quản lý.”.

2. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của các khoản 2, 3 và 4 Điều 37 như sau:

a) Sửa đổi đoạn mở đầu khoản 2 như sau:

“2. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường thuộc Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương có quyền:”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương; Trưởng phòng Nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“3. Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:”.

3. Bổ sung cụm từ, bãi bỏ một số khoản của Nghị định như sau:

a) Bổ sung cụm từ “Chánh Thanh tra tỉnh” vào trước cụm từ “Trưởng đoàn thanh tra” tại khoản 5 Điều 35.;

b) Bãi bỏ các khoản 4, 8, 9 và 10 Điều 35; khoản 1 Điều 36.

Điều 29. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh

1. Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 Điều 28 như sau:

“1a. Chánh Thanh tra tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 70.000.000 đồng đối với cá nhân và 140.000.000 đồng đối với tổ chức;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, điểm g và điểm l khoản 3 Điều 3 Nghị định này.”.

2. Bỏ cụm từ “chuyên ngành” tại Điều 28 và Điều 30 của Nghị định.

Điều 30. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 71/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 17/2022/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và Nghị định số 24/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ)

1. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của các khoản 2, 3 và 4 Điều 59 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Chánh Thanh tra Sở Công Thương, Chánh Thanh tra Sở Y tế, Chánh Thanh tra Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chánh Thanh tra Sở Khoa học và Công nghệ; Chi cục trưởng Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng thuộc Cục Chăn nuôi và Thú y; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng thuộc Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Chi cục trưởng Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường khu vực Trung Bộ, Chi cục trưởng Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường khu vực Nam Bộ thuộc Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường; Chi cục trưởng Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Sở Khoa học và Công nghệ; Chi cục trưởng Chi cục về trồng trọt và bảo vệ thực vật, chăn nuôi, thú y, thủy sản, quản lý chất lượng nông lâm và thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Trưởng đoàn thanh tra Sở Công Thương, Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ có quyền.”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Chánh Thanh tra tỉnh; Trưởng đoàn thanh tra của Bộ Công Thương, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có quyền.”;

c) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chánh Thanh tra các Bộ: Công Thương, Y tế, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Cục trưởng Cục Phòng bệnh, Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư, Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường, Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Cục trưởng Cục An toàn bức xạ và hạt nhân, Cục trưởng Cục Quản lý Dược, Cục trưởng Cục Phòng bệnh có quyền:”.

2. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của các khoản 3, 4 và 5 Điều 61 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Đội trưởng Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu, Đội trưởng Đội Phúc tập và Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội Thông quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu; Đội trưởng Đội Kiểm tra sau thông quan khu vực thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan có quyền:”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực có quyền:”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 5 như sau:

“3. Cục trưởng Cục Hải quan có quyền:”.

3. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 4 Điều 61a như sau:

“4. Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư có quyền:”.

4. Sửa đổi, bổ sung các điểm c, e, i, l, m, p và q khoản 2 Điều 65 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c như sau:

“c) Chánh Thanh tra Sở Y tế, Trưởng đoàn thanh tra Sở Y tế xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 14, 15, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29 Nghị định này trong lĩnh vực y tế, hóa chất sử dụng trong chất diệt khuẩn, diệt côn trùng trong gia dụng và y tế, dược phẩm và phụ gia thực phẩm; các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 37; khoản 1, 2, điểm a, b, c, d, đ khoản 3, điểm a, b, c, d, đ khoản 4, khoản 5 Điều 38; Điều 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47 và 48 Nghị định này;”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm e như sau:

“e) Chánh Thanh tra Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chi cục trưởng Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng thuộc Cục Chăn nuôi và Thú y; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng thuộc Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Chi cục trưởng Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường khu vực Trung

Bộ, Chi cục trưởng Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường khu vực Nam Bộ thuộc Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường; Chi cục trưởng Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Sở Khoa học và Công nghệ; Chi cục trưởng Chi cục về trồng trọt và bảo vệ thực vật, chăn nuôi, thú y, thủy sản, quản lý chất lượng nông lâm và thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Trưởng đoàn thanh tra Sở Nông nghiệp và Môi trường xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 14; Điều 15; Điều 22; Điều 23; Điều 24; Điều 25; Điều 26; Điều 27; Điều 28 và Điều 29 Nghị định này trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, thú y, bảo vệ thực vật, bảo quản, chế biến nông sản, lâm sản, hải sản và thực phẩm;”.

c) Sửa đổi điểm i như sau:

“i) Trưởng đoàn thanh tra của Bộ Nông nghiệp và Môi trường xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 14, 15, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29 Nghị định này trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, thú y, bảo vệ thực vật, bảo quản, chế biến nông sản, lâm sản, hải sản và thực phẩm;”.

d) Sửa đổi, bổ sung điểm l như sau:

“l) Chánh Thanh tra tỉnh, Chánh Thanh tra Bộ Công Thương xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Mục 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 10 Chương II Nghị định này theo quy định tại các khoản 3 và 4 Điều 59 và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao;”;

đ) Sửa đổi, bổ sung điểm m như sau:

“m) Chánh Thanh tra Bộ Y tế, Cục trưởng Cục Phòng bệnh xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 14, 15, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29 Nghị định này trong lĩnh vực y tế, hóa chất sử dụng trong chất diệt khuẩn, diệt côn trùng trong gia dụng và y tế, dược phẩm và phụ gia thực phẩm; các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Mục 9 Chương II Nghị định này;”.

e) Sửa đổi, bổ sung điểm p như sau:

“p) Chánh Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư, Cục trưởng Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 14; Điều 15; Điều 22; Điều 23; Điều 24; Điều 25; Điều 26; Điều 27; Điều 28 và Điều 29 Nghị định này trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, thú y, bảo vệ thực vật, bảo quản, chế biến nông sản, lâm sản, hải sản và thực phẩm;”.

g) Sửa đổi, bổ sung điểm q như sau:

“q) Chánh thanh tra các Bộ: Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Môi trường, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Cục trưởng Cục An toàn bức xạ và hạt nhân, Cục trưởng Cục Quản lý Dược, Cục trưởng Cục Phòng bệnh xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II Nghị định này theo quy định tại khoản

4 Điều 59 và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 4, điểm c khoản 4a Điều 65 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Hải quan:

a) Đội trưởng Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu, Đội trưởng Đội Phúc tập và Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội Thông quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu; Đội trưởng Đội Kiểm tra sau thông quan khu vực thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 và điểm a, b khoản 2 Điều 19; khoản 4 Điều 20; khoản 1, 2, 5, 6 Điều 24; khoản 1 và điểm a, b khoản 2 Điều 32; khoản 1 Điều 42 Nghị định này;

b) Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 19; khoản 4 Điều 20; Điều 24; Điều 32; Điều 42; khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều 55 Nghị định này;

c) Cục trưởng Cục Hải quan xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 19; khoản 4 Điều 20; các khoản 1, 2, 5, 6 Điều 24; Điều 32; khoản 1 Điều 42; khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều 55 Nghị định này.”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 4a như sau:

“c) Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1, 2 Điều 8; khoản 2 Điều 19; Điều 32 của Nghị định này trong lĩnh vực thủy sản.”;

6. Thay thế, bỏ một số cụm từ, bãi bỏ một số điểm, khoản của Nghị định như sau:

a) Thay thế cụm từ “Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu” bằng cụm từ “Trưởng phòng Cảnh sát điều tra về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường” tại khoản 4 Điều 60, điểm d khoản 3 Điều 65;

b) Thay thế cụm từ “Đội trưởng Đội Quản lý thị trường, Trưởng phòng Nghiệp vụ thuộc Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường” bằng cụm từ “Đội trưởng Đội Quản lý thị trường thuộc Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương” tại khoản 2 Điều 62, điểm b khoản 5 Điều 65;

c) Thay thế cụm từ “Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường” bằng cụm từ “Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương” tại khoản 3 Điều 62;

d) Thay thế cụm từ “Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ Quản lý thị trường thuộc Tổng cục Quản lý thị trường” bằng cụm từ “Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương, Trưởng phòng Nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý và Phát

triển thị trường trong nước” tại điểm c khoản 5 Điều 65;

đ) Thay thế cụm từ “Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước” tại khoản 5 Điều 62 và điểm d khoản 5 Điều 65;

e) Bỏ các cụm từ “Trưởng Công an cấp huyện;”, “Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt;”, “Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ;”, “Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy;”, “Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường,” tại khoản 4 Điều 60, điểm d khoản 3 Điều 65;

g) Bỏ cụm từ “chuyên ngành” tại khoản 1 Điều 59, các điểm a, b, c, e, g, h, i và k khoản 2 Điều 65;

h) Bãi bỏ khoản 2 Điều 61, khoản 4 Điều 62, các điểm d, đ, n, o khoản 2 và điểm a khoản 4 Điều 65.

Điều 31. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 17/2022/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và Nghị định số 24/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ)

1. Sửa đổi đoạn mở đầu của các khoản 2, 3 và 4 Điều 82 như sau:

a) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“1. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường thuộc Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương có quyền:”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương; Trưởng phòng Nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:”.

2. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của các khoản 3, 4 và 5 Điều 84 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Đội trưởng Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu, Đội trưởng Đội Phúc tập và Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội Thông quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu; Đội trưởng Đội Kiểm tra sau thông quan khu vực thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan có quyền:”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu, Chi cục trưởng Chi cục

Kiểm tra sau thông quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực có quyền:”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 5 như sau:

“5. Cục trưởng Cục Hải quan có quyền:”.

3. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 87 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 1 như sau:

“1. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra đang thi hành công vụ có quyền:”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Chánh Thanh tra sở; Chi Cục trưởng Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng thuộc Cục Chăn nuôi và Thú y; Chi Cục trưởng Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng thuộc Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Chi cục trưởng Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường khu vực Trung Bộ, Chi cục trưởng Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường khu vực Nam Bộ thuộc Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường; Chi Cục trưởng Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm thuộc Sở Y tế; Chi Cục trưởng Chi cục về trồng trọt và bảo vệ thực vật, chăn nuôi, thú y, thủy sản, quản lý chất lượng nông lâm và thủy sản, thủy lợi, đê điều, phòng, chống thiên tai, lâm nghiệp, phát triển nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chi cục trưởng Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Sở Khoa học và Công nghệ có quyền:”;

c) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Chánh Thanh tra tỉnh, Trưởng đoàn thanh tra cấp bộ có quyền:”;

d) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chánh Thanh tra bộ, cơ quan ngang bộ, Cục trưởng Cục Lâm nghiệp và Kiểm Lâm, Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư, Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Cục trưởng Cục Quản lý dược, Cục trưởng Cục Quản lý khám, chữa bệnh, Cục trưởng Cục Phòng bệnh có quyền:”.

4. Thay thế, bỏ một số cụm từ, bãi bỏ một số khoản của Nghị định như sau:

a) Thay thế cụm từ “Đội trưởng Đội Quản lý thị trường, Trưởng phòng Nghiệp vụ thuộc Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường” bằng cụm từ “Đội trưởng Đội Quản lý thị trường thuộc Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương” tại khoản 2 Điều 82;

b) Thay thế cụm từ “Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Tổng cục Quản lý thị trường” bằng cụm từ “Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương; Trưởng phòng Nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước” tại khoản 3 Điều 82;

c) Thay thế cụm từ “Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước” tại khoản 4 Điều 82;

d) Thay thế cụm từ “Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu” bằng cụm từ “Trưởng phòng Cảnh sát điều tra về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường” tại khoản 4 Điều 83;

đ) Bỏ các cụm từ “Trưởng Công an cấp huyện;”, “Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt;”, “Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ;”, “Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy;”, “Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường,” tại khoản 4 Điều 83;

e) Bãi bỏ khoản 2 Điều 84 và khoản 5 Điều 87 của Nghị định.

Điều 32. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2020/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 17/2022/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và Nghị định số 24/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ)

1. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của các khoản 3, 4 và 5 Điều 60 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Đội trưởng Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu, Đội trưởng Đội Phúc tập và Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội Thông quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu; Đội trưởng Đội Kiểm tra sau thông quan khu vực thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan có quyền:”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực có quyền:”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 5 như sau:

“5. Cục trưởng Cục Hải quan có quyền:”.

2. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của các khoản 2, 3 và 4 Điều 61 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường thuộc Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương có quyền:”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương;

Trưởng phòng Nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:”.

3. Sửa đổi, bổ sung các của khoản 2, 3 và 4 Điều 62 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Chánh Thanh tra Sở Công Thương, Chánh Thanh tra Sở Khoa học và Công nghệ, Chánh Thanh tra Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chi cục trưởng Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Sở Khoa học và Công nghệ, Trưởng đoàn thanh tra cấp sở có quyền:”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Chánh thanh tra tỉnh, Trưởng đoàn thanh tra cấp bộ có quyền:”.

c) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chánh Thanh tra Bộ Công Thương, Chánh Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ, Chánh Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam có quyền:”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 và khoản 7 Điều 63 như sau:

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Phân định thẩm quyền xử phạt của Hải quan:

a) Đội trưởng Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu, Đội trưởng Đội Phúc tập và Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội Thông quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu; Đội trưởng Đội Kiểm tra sau thông quan khu vực thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính có liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển khẩu hàng hóa quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 20; khoản 5 Điều 20 (trừ trường hợp đối tượng vi phạm thực hiện hành vi vi phạm tại khoản 2, 3, 4 Điều 20); Điều 25; khoản 1 Điều 26; điểm a, b, c khoản 1 Điều 31 và khoản 1, 2, 3, 7, 8 Điều 33 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 60 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

b) Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính có liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển khẩu hàng hóa quy định tại Điều 18; khoản 1, 2, 3, 4 Điều 20; khoản 5 Điều 20 (trừ trường hợp đối tượng vi phạm thực hiện hành vi vi phạm tại khoản 3, 4 Điều 20); Điều 25; khoản 1

Điều 26; khoản 1 Điều 27; Điều 31 và Điều 33 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 60 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

c) Cục trưởng Cục Hải quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính có liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển khẩu hàng hóa quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2, khoản 3, 4, 5 Điều 20; Điều 25; Điều 26; Điều 27; Điều 31; Điều 33 và điểm a, b khoản 4 Điều 36 của Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 60 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.”.

d) Sửa đổi khoản 7 như sau:

“7. Những người có thẩm quyền của Thanh tra Công Thương, Thanh tra về giá, Thanh tra Nông nghiệp và Môi trường và Thanh tra Khoa học và Công nghệ có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 62 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.”.

6. Bỏ một số cụm từ, bãi bỏ một số khoản của Nghị định như sau:

a) Bỏ cụm từ “chuyên ngành” tại khoản 1 Điều 62;

b) Bãi bỏ khoản 2 Điều 60 và khoản 5 Điều 62.

Điều 33. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ và Nghị định số 46/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ)

1. Sửa đổi khoản 2 Điều 15 như sau:

“2. Thanh tra văn hóa, thể thao và du lịch có thẩm quyền xử phạt hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 16 Điều 14 của Nghị định này.”.

2. Sửa đổi bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 Điều 16 như sau:

“3. Chánh thanh tra tỉnh, Chánh Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ có quyền:”.

4. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của các khoản 1, 2 và 3 Điều 18 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 1 như sau:

“1. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường thuộc Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương có quyền:”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương; Trưởng phòng Nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị

trường trong nước có quyền.”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền.”.

5. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của các khoản 2, 3 và 4 Điều 19 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu khoản 2 như sau:

“2. Đội trưởng Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu, Đội trưởng Đội Phúc tập và Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội Thông quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu; Đội trưởng Đội Kiểm tra sau thông quan khu vực thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan có quyền.”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực có quyền.”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Cục trưởng Cục Hải quan có quyền.”.

6. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 2 Điều 20 như sau:

“2. Trưởng phòng Cảnh sát điều tra về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường thuộc Công an cấp tỉnh có quyền.”.

7. Thay thế cụm từ, bãi bỏ một số khoản của Nghị định như sau:

a) Thay thế cụm từ “Thông tin và Truyền thông” bằng cụm từ “Văn hóa, Thể thao và Du lịch” tại Điều 17;

b) Bãi bỏ khoản 2 Điều 19.

Điều 34. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2017 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ)

1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 34 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu khoản 2 như sau:

“2. Chánh Thanh tra Sở Khoa học và Công nghệ; Trưởng đoàn thanh tra Sở Khoa học và Công nghệ; Chi cục trưởng Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng có quyền.”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu khoản 3 như sau:

“3. Chánh Thanh tra tỉnh, Trưởng đoàn thanh tra của Bộ Khoa học và Công nghệ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có quyền.”;

c) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu khoản 4 như sau:

“4. Chánh Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ có quyền:”.

2. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu khoản 4 Điều 36 như sau:

“4. Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng An ninh chính trị nội bộ, Trưởng phòng An ninh kinh tế có quyền:”.

3. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của các khoản 3, 4 và 5 Điều 37 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu khoản 3 như sau:

“3. Đội trưởng Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu, Đội trưởng Đội Phúc tập và Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội Thông quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu; Đội trưởng Đội Kiểm tra sau thông quan khu vực thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan có quyền:”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực có quyền:”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 5 như sau:

“5. Cục trưởng Cục Hải quan có quyền:”.

4. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của các khoản 2, 3 và 4 Điều 38 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường thuộc Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương có quyền:”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương; Trưởng phòng Nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:”.

5. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu các khoản 2, 3 và 5 Điều 41 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Chánh Thanh tra sở, Chi cục trưởng Chi cục An toàn vệ sinh thực

phẩm thuộc Sở Y tế, Chi cục trưởng Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng thuộc Cục Chăn nuôi và Thú y, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm dịch thực vùng thuộc Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chi cục trưởng Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường khu vực Trung Bộ, Chi cục trưởng Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường khu vực Nam Bộ thuộc Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường, Chi cục trưởng Chi cục về trồng trọt và bảo vệ thực vật, chăn nuôi, thú y, thủy sản, Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Trung tâm Tàn số vô tuyến điện khu vực có quyền:”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Trưởng đoàn thanh tra cấp sở có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại khoản 2 Điều này.”.

c) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu khoản 5 như sau:

“5. Chánh Thanh tra Bộ, cơ quan ngang bộ, Cục trưởng Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm, Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư, Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Cục trưởng Cục Việc làm, Chủ tịch Ủy ban Cảnh tranh quốc gia, Cục trưởng Cục Quản lý Dược, Cục trưởng Cục Quản lý khám, chữa bệnh, Cục trưởng Cục Phòng bệnh có quyền:”.

6. Bỏ cụm từ, bãi bỏ một số khoản của Nghị định như sau:

a) Bỏ cụm từ “chuyên ngành” tại tên điều và khoản 1 Điều 34, tên điều và các khoản 1 và 4 Điều 41, tên điều và khoản 1, khoản 8 Điều 42;

b) Bãi bỏ khoản 2 Điều 37.

Điều 35. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 51/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ)

1. Sửa đổi khoản 2 Điều 27 như sau:

“2. Người thuộc lực lượng Công an nhân dân, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ kiểm tra, thanh tra trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ.”.

2. Sửa đổi, bổ sung tên điều và đoạn mở đầu các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 28 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên điều và đoạn mở đầu của khoản 1 như sau:

“Điều 28. Thẩm quyền của Thanh tra

1. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra đang thi hành công vụ có quyền:”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Chánh Thanh tra Sở, Trưởng đoàn thanh tra cấp sở, Chi cục trưởng Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc Sở Khoa học và Công nghệ có quyền:”;

c) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chánh Thanh tra tỉnh, Trưởng đoàn thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ có quyền:”.

2. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 4 Điều 30 như sau:

“4. Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh chính trị nội bộ; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng An ninh chính trị nội bộ, Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường, Trưởng phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; Trưởng phòng An ninh kinh tế có quyền:”.

3. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của các khoản 3, 4 và 5 Điều 31 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Đội trưởng Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu, Đội trưởng Đội Phúc tập và Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội Thông quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu; Đội trưởng Đội Kiểm tra sau thông quan khu vực thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan có quyền:”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực có quyền:”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 5 như sau:

“5. Cục trưởng Cục Hải quan có quyền:”.

4. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của các khoản 1, 2 và 3 Điều 32 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 1 như sau:

“1. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường thuộc Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương có quyền:”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương; Trưởng phòng Nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:”.

5. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của các khoản 1 và 2 Điều 33 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 1 như sau:

“1. Chi cục trưởng Chi cục Thuế có quyền:”

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Cục trưởng Cục Thuế có quyền:”.

6. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của các khoản 2, 4 và 5 Điều 34 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Chánh Thanh tra sở; Trưởng đoàn thanh tra cấp sở; Chánh Thanh tra Cục Hàng không Việt Nam; Chánh Thanh tra Cục Hàng hải Việt Nam; Chánh Thanh tra Cục An toàn bức xạ và hạt nhân; Chánh Thanh tra quốc phòng quân khu; Chánh Thanh tra Cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ; Chi cục trưởng Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng thuộc Cục Chăn nuôi và Thú y; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng thuộc Cục Bảo vệ thực vật; Chi cục trưởng Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường khu vực Trung Bộ, Chi cục trưởng Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường khu vực Nam Bộ thuộc Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường; Chi cục trưởng Chi cục về trồng trọt và bảo vệ thực vật, chăn nuôi, thú y, thủy sản, quản lý chất lượng nông lâm và thủy sản, thủy lợi, đê điều, phòng, chống thiên tai, lâm nghiệp, phát triển nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực có quyền:”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chánh Thanh tra tỉnh, Trưởng đoàn thanh tra cấp bộ, theo chức năng, nhiệm vụ quyền hạn được giao có quyền:”;

c) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 5 như sau:

5. Chánh Thanh tra bộ, cơ quan ngang bộ, Cục trưởng Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên, Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư, Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Cục trưởng Cục Quản lý đất đai, Giám đốc Kho bạc Nhà nước, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Trưởng ban Ban Cơ yếu Chính phủ, Trưởng ban Ban Tôn giáo Chính phủ, Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Cục Hàng không Việt Nam, Cục trưởng Cục An toàn bức xạ và hạt nhân, Cục trưởng Cục Quản lý Dược, Cục trưởng Cục Quản lý khám, chữa bệnh, Cục trưởng Cục Phòng bệnh, Cục trưởng Cục Hỗ trợ tư pháp, Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam có quyền:”.

7. Bỏ cụm từ, bãi bỏ một số khoản của Nghị định như sau:

a) Bỏ cụm từ “Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất

lượng” bằng cụm từ “Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng” khoản 5 Điều 28;

- a) Bỏ cụm từ “chuyên ngành” tại tên điều, khoản 1 Điều 34 và Điều 35;
- c) Bãi bỏ khoản 3 Điều 28, khoản 2 Điều 31 và khoản 3 Điều 34.

Điều 36. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 107/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ)

1. Sửa đổi, bổ sung tên điều và đoạn mở đầu của khoản 3 Điều 43 như sau:

- a) Sửa đổi, bổ sung tên Điều 43 như sau:

“Điều 43. Thẩm quyền xử phạt của thanh tra, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra khoa học và công nghệ”;

- b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu khoản 3 như sau:

“3. Chánh Thanh tra tỉnh, Trưởng đoàn thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ có quyền:”.

2. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 Điều 45 như sau:

“3. Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Trưởng phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Trưởng phòng An ninh kinh tế, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường có quyền:”.

3. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu các khoản 1, 2 và 3 Điều 45a như sau:

- a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu khoản 1 như sau:

“1. Đội trưởng Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu, Đội trưởng Đội Phục tập và Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội Thông quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu; Đội trưởng Đội Kiểm tra sau thông quan khu vực thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan có quyền:”;

- b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực có quyền:”;

- c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Cục trưởng Cục Hải quan có quyền:”.

4. Sửa đổi, bổ sung một số điểm khoản Điều 45d như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 1 Điều 45d như sau:

“1. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra:”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu điểm c khoản 1 như sau:

“c) Chánh Thanh tra tỉnh, Trưởng đoàn thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 5, khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10 và 11 Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18, khoản 1, 2, 3 và 5 Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 24, Điều 25, khoản 1 Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32, Điều 33, Điều 34, khoản 1, 2 và 3 Điều 35, Điều 36, khoản 1, 3 và 4 Điều 37, khoản 1 Điều 38, Điều 39, Điều 40, Điều 41 và Điều 42 Nghị định này;”;

c) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu điểm c khoản 3 như sau:

“c) Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Trưởng phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Trưởng phòng An ninh kinh tế, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 và 2 Điều 5, khoản 3, 4, 5 và 11 Điều 6, Điều 8, Điều 9, khoản 1, 2 và 3 Điều 17, khoản 1 và 6 Điều 18, khoản 1 Điều 19, khoản 1 và 2 Điều 20, Điều 30, Điều 31, Điều 32, Điều 33, khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 34 và Điều 42 Nghị định này;”.

d) Sửa đổi khoản 4 như sau:

“4. Thẩm quyền xử phạt của Hải quan:

a) Đội trưởng Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu, Đội trưởng Đội Phúc tập và Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội Thông quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu; Đội trưởng Đội Kiểm tra sau thông quan khu vực thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền, thuộc lĩnh vực và phạm vi quản lý đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử liên quan đến hoạt động hải quan đối với những hành vi vi phạm hành chính tại điểm c khoản 4 và điểm a khoản 11 Điều 6, khoản 2 và 3 Điều 9, khoản 1, điểm a khoản 2, khoản 3 và khoản 6 Điều 18 và Điều 42 Nghị định này;

b) Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực xử phạt

vi phạm hành chính theo thẩm quyền, thuộc lĩnh vực và phạm vi quản lý đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử liên quan đến hoạt động hải quan đối với những hành vi vi phạm hành chính tại điểm c khoản 4, điểm a khoản 7 và khoản 11 Điều 6, khoản 2 và 3 Điều 9, khoản 1, 2, 3, 4 và 6 Điều 18 và Điều 42 Nghị định này;

c) Cục trưởng Cục Hải quan xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền, thuộc lĩnh vực và phạm vi quản lý đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử liên quan đến hoạt động hải quan đối với những hành vi vi phạm hành chính tại điểm c khoản 4, điểm a khoản 7 và khoản 11 Điều 6, khoản 2 và 3 Điều 9, khoản 1, điểm a khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 18 và Điều 42 Nghị định này.”.

5. Bỏ cụm từ “chuyên ngành” tại Điều 43 và khoản 1 Điều 45d.

Điều 37. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 125/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới

1. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 và khoản 4 Điều 16 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Chánh Thanh tra tỉnh, Trưởng đoàn thanh tra cấp Bộ có quyền:”;

b) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chánh Thanh tra cấp Bộ có quyền:”.

2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 20 như sau:

a) Sửa đổi khoản 2 như sau:

“2. Thanh tra tỉnh, Thanh tra ngành Nội vụ có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có) đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 16 Nghị định này và trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao.”;

b) Sửa đổi khoản 6 như sau:

“6. Thanh tra ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có) đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm c và d khoản 1 Điều 6, Điều 11 và Điều 13 Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 16 Nghị định này và trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao.”.

3. Thay thế, bỏ cụm từ, bãi bỏ một số khoản của Nghị định như sau:

a) Thay thế cụm từ “Kế hoạch và Đầu tư” bằng cụm từ “Tài chính” tại khoản 2 Điều 20;

b) Thay thế cụm từ “Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Nội vụ” tại khoản 2 Điều 20;

- c) Bỏ cụm từ “Trưởng Công an cấp huyện” tại khoản 4 Điều 17;
- d) Bãi bỏ khoản 8 Điều 20.

Điều 38. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về bảo trợ, trợ giúp xã hội và trẻ em

1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 37 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Thanh tra tỉnh, Thanh tra Y tế có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Thanh tra Văn hóa, Thể thao và Du lịch có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm đ khoản 1 và khoản 3 Điều 11, Điều 16, điểm b khoản 1 Điều 18, khoản 1 Điều 23 và các điều 29, 30, 31, 33, 34 và 36 của Nghị định này.”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 9 như sau:

“9. Thanh tra Xây dựng có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại các điều 15, 33, 34 và 35 của Nghị định này.”;

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 14 như sau:

“14. Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ hàng không, Cảng vụ đường thủy có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều 15 và Điều 35 của Nghị định này.”.

2. Sửa đổi đoạn mở đầu của các khoản 2, 3 và 4 Điều 38 như sau:

a) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Chánh Thanh tra sở quy định từ khoản 1 đến khoản 9 Điều 37 của Nghị định này có quyền:”;

b) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Chánh Thanh tra bộ quy định từ khoản 1 đến khoản 9 Điều 37 của Nghị định này và Cục trưởng Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên có quyền:”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Chánh Thanh tra tỉnh, Trưởng đoàn thanh tra cấp bộ quy định từ khoản 1 đến khoản 9 Điều 37 của Nghị định này có quyền:”.

3. Sửa đổi đoạn mở đầu của các khoản 2, 3 và 4 Điều 40 như sau:

a) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường thuộc Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương có quyền:”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương; Trưởng phòng Nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:”.

4. Thay thế, bỏ cụm từ, bãi bỏ một số khoản của Nghị định như sau:

a) Thay thế cụm từ “Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu” bằng cụm từ “Trưởng phòng Cảnh sát điều tra về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường” tại khoản 4 Điều 41;

b) Thay thế cụm từ “Cảng vụ đường thủy nội địa” bằng cụm từ “Cảng vụ đường thủy” tại Điều 44;

c) Bỏ các cụm từ “Trưởng Công an cấp huyện;”, “Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt;”, “Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ;”, “Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy;”, “Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường,” tại khoản 4 Điều 41;

d) Bỏ cụm từ “chuyên ngành” tại khoản 1 và khoản 5 Điều 38;

đ) Bãi bỏ khoản 2, khoản 4, 6, khoản 8 Điều 37.

Điều 39. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2022/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

1. Sửa đổi khoản 1 Điều 47 như sau:

“1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại các điều 48, 49, 52, 53, 54, 55, 56 và 57 Nghị định này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.”.

2. Sửa đổi, bổ sung tên điều và một số khoản của Điều 49 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên Điều 49 như sau:

“Điều 49. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra, Thanh tra lao động”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Thanh tra viên, Thanh tra viên lao động, người được giao nhiệm vụ thanh tra đang thi hành công vụ có quyền phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 500.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại Chương II, Chương III và Chương IV Nghị định này.”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Chánh Thanh tra Sở Nội vụ có quyền:”;

d) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Chánh thanh tra Bộ Nội vụ có quyền.”;

đ) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chánh Thanh tra tỉnh, Trưởng đoàn thanh tra lao động cấp Bộ có quyền.”.

3. Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 2 Điều 52 như sau:

“2. Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam có quyền.”.

4. Sửa đổi khoản 2 Điều 53 như sau:

“2. Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh, gồm: Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường Trưởng phòng Quản lý xuất nhập cảnh có quyền phạt tiền đến 15.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 1 Điều 8 và khoản 2 Điều 34 Nghị định này.”.

5. Sửa đổi khoản 1 Điều 57 như sau:

“1. Người có thẩm quyền xử phạt quy định tại Điều 48; khoản 2, 3 Điều 49; khoản 2 Điều 52; các điều 53, 54, 55 và 56 Nghị định này có thể giao cho cấp phó thực hiện thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.”.

6. Bãi bỏ Điều 50; Điều 51; khoản 1 và khoản 3 Điều 52.

Điều 40. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp

1. Sửa đổi khoản 2 Điều 37 như sau:

“2. Công chức Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên, Bộ Giáo dục và Đào tạo, công chức thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân đang thi hành công vụ, nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra về giáo dục nghề nghiệp theo văn bản quy phạm pháp luật hoặc văn bản hành chính do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành.”.

2. Sửa đổi, bổ sung tên điều, một số khoản của Điều 39 như sau:

a) Sửa đổi tên điều như sau:

“Điều 39. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra”;

b) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Chánh Thanh tra Sở Giáo dục và Đào tạo, Trưởng đoàn thanh tra của Sở Giáo dục và Đào tạo, Trưởng đoàn thanh tra của Cục Giáo dục nghề nghiệp

và Giáo dục thường xuyên có quyền.”;

c) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Chánh Thanh tra tỉnh, Trưởng đoàn thanh tra trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp của Bộ Giáo dục và Đào tạo có quyền.”;

d) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chánh thanh tra Bộ Giáo dục và Đào tạo, Cục trưởng Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên có quyền.”.

3. Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 3 Điều 40 như sau:

“3. Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh chính trị nội bộ, Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Công an cấp tỉnh (Trưởng phòng An ninh chính trị nội bộ, Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội) có quyền.”.

4. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 2 Điều 42 như sau:

“2. Thanh tra tỉnh, Thanh tra trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại Điều 39 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II Nghị định này, trừ các hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 và 5 Điều 6; khoản 4 Điều 10; khoản 3 Điều 18 Nghị định này trong trường hợp đối tượng vi phạm là người nước ngoài.”.

Điều 41. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 143/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Nghị định số 23/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ)

1. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của các khoản 1, 2, 3, 4 và sửa đổi khoản 5 Điều 53 như sau:

a) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 1 như sau:

“1. Thanh tra viên được giao nhiệm vụ thanh tra trong lĩnh vực ngân hàng đang thi hành công vụ có quyền.”;

b) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Khu vực có quyền.”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Trưởng đoàn thanh tra do Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước ra quyết định có quyền.”;

d) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước có quyền.”;

e) Sửa đổi khoản 5 như sau:

“5. Trưởng đoàn thanh tra do Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Khu vực ra quyết định có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại khoản 2 Điều này.”.

2. Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Điều 53 như sau:

“2a. Chánh Thanh tra tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 250.000.000 đồng;

c) Áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 3 Nghị định này.”.

3. Sửa đổi đoạn mở đầu của các khoản 2, 3 và 4 Điều 54d như sau:

a) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường thuộc Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương có quyền:”;

b) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương; Trưởng phòng Nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:”.

4. Sửa đổi Điều 54e như sau:

“Điều 54e. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Hải quan

“Cục trưởng Cục Hải quan có quyền phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng.”.

5. Sửa đổi khoản 9 Điều 55 như sau:

“9. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của thanh tra về lĩnh vực ngân hàng

Thanh tra về lĩnh vực Ngân hàng quy định tại Điều 53 Nghị định này có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II Nghị định này theo thẩm quyền và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao”.

6. Thay thế, bỏ một số cụm từ của Nghị định như sau:

a) Thay thế cụm từ “Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu” bằng cụm từ “Trưởng phòng Cảnh sát điều tra về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường” tại khoản 4 Điều 54a;

b) Bỏ các cụm từ “Trưởng Công an cấp huyện;”, “Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt;”, “Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường

bộ”, “Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy”, “Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường,” tại khoản 4 Điều 54a.

c) Bỏ cụm từ “chuyên ngành” tại khoản 6 Điều 55.

Điều 42. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 04/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ và Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)

1. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 33 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 1 như sau:

“1. Thanh tra viên, Thanh tra viên nông nghiệp, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra đang thi hành công vụ có quyền:”;

b) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Chánh thanh tra Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chi cục trưởng Chi cục về trồng trọt và bảo vệ thực vật; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng thuộc Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Trưởng đoàn thanh tra Sở Nông nghiệp và Môi trường có quyền:”;

c) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Chánh Thanh tra tỉnh, Trưởng đoàn thanh tra Bộ Nông nghiệp và Môi trường có quyền:”;

d) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chánh thanh tra Bộ Nông nghiệp và Môi trường có quyền:”.

2. Sửa đổi đoạn mở đầu của các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 35 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Đội trưởng Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu; Đội trưởng Đội Phúc tập và Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội Thông quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực; Đội trưởng Đội Kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu; Đội trưởng Đội Kiểm tra sau thông quan khu vực thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan có quyền:”;

b) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan thuộc Cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực có quyền:”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 5 như sau:

“5. Cục trưởng Cục Hải quan có quyền:”.

3. Sửa đổi đoạn mở đầu của các khoản 2, 3 và 4 Điều 36 như sau:

a) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường thuộc Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương có quyền:”;

b) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương, Trưởng phòng Nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:”.

4. Thay thế, bỏ một số cụm từ, bãi bỏ một số điểm, khoản của Nghị định như sau:

a) Thay thế cụm từ “Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu” bằng cụm từ “Trưởng phòng Cảnh sát điều tra về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường” tại khoản 4 Điều 34;

b) Bỏ các cụm từ “Trưởng Công an cấp huyện;”, “Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt;”, “Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ;”, “Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy;”, “Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường,” tại khoản 4 Điều 34;

c) Bãi bỏ khoản 2 Điều 35.

Điều 43. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 04/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ và Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)

1. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 44 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 1 như sau:

“1. Thanh tra viên, Thanh tra viên nông nghiệp; người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra trong lĩnh vực thú y, thủy sản, quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản đang thi hành công vụ có quyền:”;

b) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Chánh Thanh tra Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi cục trưởng Chi cục có chức năng quản lý về thú y, thủy sản, quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản; Chi cục trưởng Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng thuộc Cục Chăn nuôi và Thú y; Chi cục trưởng Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường khu vực Trung Bộ, Chi cục trưởng Chi cục Chi cục Chất lượng, Chế biến và

Phát triển thị trường khu vực Nam Bộ thuộc Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường; Trưởng đoàn thanh tra Sở Nông nghiệp và Môi trường có quyền.”;

c) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Chánh Thanh tra tỉnh, Trưởng đoàn thanh tra Bộ Nông nghiệp và Môi trường có quyền.”;

d) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chánh Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư có quyền.”.

2. Sửa đổi đoạn mở đầu của các khoản 3, 4 và 5 Điều 48 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Đội trưởng Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu; Đội trưởng Đội Phúc tập và Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội Thông quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực; Đội trưởng Đội Kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu; Đội trưởng Đội Kiểm tra sau thông quan khu vực thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan có quyền.”;

b) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan thuộc Cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực có quyền.”;

c) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 5 như sau:

“5. Cục trưởng Cục Hải quan có quyền.”.

3. Sửa đổi đoạn mở đầu của các khoản 2, 3 và 4 Điều 49 như sau:

a) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường thuộc Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương có quyền.”;

b) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương, Trưởng phòng Nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền.”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền.”.

4. Thay thế, bỏ một số cụm từ, bãi bỏ một số điểm khoản của Nghị định như sau:

a) Thay thế cụm từ “Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu” bằng cụm từ “Trưởng phòng Cảnh sát điều tra về tham

những, kinh tế, buôn lậu, môi trường” tại khoản 4 Điều 45;

b) Bỏ các cụm từ “Trưởng Công an cấp huyện;”, “Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt;”, “Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ;”, “Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy;”, “Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường,” tại khoản 4 Điều 45;

c) Bãi bỏ khoản 2 Điều 48.

Điều 44. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)

1. Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 và khoản 5 Điều 26 như sau:

a) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm vùng, Đội trưởng Đội Kiểm lâm đặc nhiệm thuộc Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm có quyền:”;

b) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 5 như sau:

“5. Cục trưởng Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm có quyền:”.

2. Sửa đổi tên điều, đoạn mở đầu của các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 28 như sau:

a) Sửa đổi tên điều và đoạn mở đầu của khoản 1 như sau:

“Điều 28. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của thanh tra

1. Thanh tra viên, Thanh tra viên nông nghiệp, người được giao nhiệm vụ thực hiện nhiệm vụ thanh tra trong lĩnh vực Lâm nghiệp đang thi hành công vụ có quyền:”;

b) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Chánh Thanh tra Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trưởng đoàn thanh tra Sở Nông nghiệp và Môi trường có quyền:”;

c) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Chánh Thanh tra tỉnh, Trưởng đoàn thanh tra Bộ Nông nghiệp và Môi trường có quyền:”;

d) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chánh Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cục trưởng Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm có quyền:”.

3. Sửa đổi đoạn mở đầu của các khoản 2, 3 và 4 Điều 32 như sau:

a) Sửa đổi đoạn mở đầu khoản của 2 như sau:

“2. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường thuộc Chi cục Quản lý thị trường

thuộc Sở Công Thương có quyền.”;

b) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương, Trưởng phòng Nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền.”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền.”.

4. Sửa đổi đoạn mở đầu của các khoản 3, 4 và 5 Điều 33 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Đội trưởng Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu; Đội trưởng Đội Phúc tập và Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội Thông quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực; Đội trưởng Đội Kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu; Đội trưởng Đội Kiểm tra sau thông quan khu vực thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan có quyền.”;

b) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan thuộc Cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực có quyền.”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 5 như sau:

“5. Cục trưởng Cục Hải quan có quyền.”.

5. Thay thế, bỏ một số cụm từ, bãi bỏ một số điểm khoản của Nghị định như sau:

a) Thay thế cụm từ “Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu” bằng cụm từ “Trưởng phòng Cảnh sát điều tra về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường” tại khoản 4 Điều 29;

b) Bỏ các cụm từ “Trưởng Công an cấp huyện;”, “Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt;”, “Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ;”, “Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy;”, “Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường,” tại khoản 4 Điều 29;

c) Bỏ cụm từ “chuyên ngành” tại khoản 1 Điều 34;

d) Bãi bỏ khoản 2 Điều 33.

Điều 45. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về chăn nuôi (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)

1. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu một số khoản của Điều 38 như sau:

a) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chánh Thanh tra Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi cục trưởng Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành về chăn nuôi, thú y; Trưởng đoàn thanh tra Sở Nông nghiệp và Môi trường có quyền:”;

b) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 5 như sau:

“5. Chi cục trưởng Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng thuộc Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Chi cục trưởng Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành về bảo vệ thực vật có quyền:”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 6 như sau:

“6. Chi cục trưởng Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành về quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản; Chi cục trưởng Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản Trung Bộ, Chi cục trưởng Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường khu vực Trung Bộ, Chi cục trưởng Chi cục Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường khu vực Nam Bộ thuộc Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường có quyền:”;

d) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 7 như sau:

“7. Chi cục trưởng Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng thuộc Cục Chăn nuôi và Thú y có quyền:”;

đ) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 8 như sau:

“8. Chánh Thanh tra tỉnh, Trưởng đoàn thanh tra của Bộ Nông nghiệp và Môi trường có quyền:”;

e) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 9 như sau:

“9. Chánh Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Môi trường có quyền:”.

2. Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 Điều 39 như sau:

“4. Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm Trưởng phòng Cảnh sát điều tra về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường, Trưởng phòng An ninh kinh tế, Thủy đoàn trưởng có quyền:”.

3. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của các khoản 3, 4 và 5 Điều 42 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Đội trưởng Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu; Đội trưởng Đội Phúc tập và Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội Thông quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực; Đội trưởng Đội Kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu; Đội trưởng Đội Kiểm tra sau thông quan khu vực thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan có quyền:”;

b) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan thuộc Cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực có quyền:”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 5 như sau:

“5. Cục trưởng Cục Hải quan có quyền:”.

4. Sửa đổi đoạn mở đầu của các khoản 2, 3 và 4 Điều 43 như sau:

a) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường thuộc Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương có quyền:”;

b) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương, Trưởng phòng Nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:”.

5. Sửa đổi một số điểm, khoản của Điều 44 như sau:

a) Sửa đổi điểm d khoản 2 như sau:

“d) Chi cục trưởng Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành về quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản; Chi cục trưởng Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường khu vực Trung Bộ, Chi cục trưởng Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường khu vực Nam Bộ thuộc Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 4 Điều 29 và Điều 35 Nghị định này;”;

b) Sửa đổi điểm đ khoản 2 như sau:

“Chi cục trưởng Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng thuộc Cục Chăn nuôi và Thú y xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 3, điểm b khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 17; Điều 19; khoản 1 và khoản 2 Điều 20; Điều 22; Điều 29 và Điều 35 Nghị định này;”;

c) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 6 như sau:

“a) Đội trưởng Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu; Đội trưởng Đội Phúc tập và Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội Thông quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực; Đội trưởng Đội Kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu; Đội trưởng Đội Kiểm tra sau thông quan khu vực thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 8; điểm b khoản 2 Điều 13; điểm b khoản 4 Điều 17; Điều 19; điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i và k khoản 1, khoản 2 Điều 20; khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 22; điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 và

điểm b khoản 3 Điều 32 Nghị định này;”.

6. Bổ sung, thay thế, bỏ một số cụm từ, bãi bỏ một số điểm khoản của Nghị định như sau:

a) Bổ sung cụm từ “Chánh Thanh tra tỉnh,” vào trước cụm từ “Trưởng đoàn thanh tra” tại điểm b khoản 2 Điều 44;

b) Thay thế cụm từ “chuyên ngành” bằng cụm từ “trong lĩnh vực” tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 38;

c) Thay thế cụm từ “Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng cụm từ “Trưởng đoàn thanh tra Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại điểm a khoản 2 Điều 44;

d) Thay thế cụm từ “Phát triển nông thôn” bằng cụm từ “Môi trường” tại các điểm a, b và e khoản 2 Điều 44;

đ) Thay thế cụm từ “thuộc Cục Bảo vệ thực vật” bằng cụm từ “thuộc Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật” tại điểm c khoản 2 Điều 44;

e) Thay thế cụm từ “Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu” bằng cụm từ “Trưởng phòng Cảnh sát điều tra về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường” tại điểm b khoản 3 Điều 44;

g) Thay thế cụm từ “Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu, Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan thuộc Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” bằng cụm từ “Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan thuộc Cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực” tại điểm b khoản 6 Điều 44;

h) Thay thế cụm từ “Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Hải quan” tại điểm c khoản 6 Điều 44;

i) Thay thế cụm từ “Đội trưởng Đội Quản lý thị trường, Trưởng phòng Nghiệp vụ thuộc Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường” bằng cụm từ “Đội trưởng Đội Quản lý thị trường thuộc Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương” tại điểm a khoản 7 Điều 44;

k) Thay thế cụm từ “Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh và Cục trưởng Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường” bằng cụm từ “Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương, Trưởng phòng Nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước” tại điểm b khoản 7 Điều 44;

l) Thay thế cụm từ “Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước” tại điểm c khoản 7 Điều 44;

m) Bỏ các cụm từ “Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Cục Chăn nuôi;”, “; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Chi cục có chức năng quản lý

chuyên ngành về chăn nuôi, thú y” tại điểm a khoản 2 Điều 44;

n) Bỏ cụm từ “chuyên ngành” tại điểm b khoản 2 Điều 44;

o) Bỏ các cụm từ “Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật;”, “; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Cục Bảo vệ thực vật” tại điểm c khoản 2 Điều 44;

p) Bỏ cụm từ “; Cục trưởng Cục Chăn nuôi” tại điểm e khoản 2 Điều 44;

q) Bỏ các cụm từ “Trưởng Công an cấp huyện;”, “Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường,” tại điểm b khoản 3 Điều 44;

r) Bãi bỏ các khoản 10, 11 và 12 Điều 38; khoản 2 Điều 42.

Điều 46. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2023/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về trồng trọt

1. Sửa đổi, bổ sung tên điều và một số khoản của Điều 29 như sau:

a) Sửa đổi tên điều như sau:

“Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của thanh tra”;

b) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Chánh thanh tra Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chi cục trưởng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Trưởng đoàn thanh tra Sở Nông nghiệp và Môi trường có quyền:”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Trưởng đoàn thanh tra Bộ Nông nghiệp và Môi trường có quyền:”;

d) Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 như sau:

“3a. Chánh thanh tra tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 35.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm về Trồng trọt (trừ phân bón); phạt tiền đến 70.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm về phân bón;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.”;

đ) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chánh thanh tra Bộ Nông nghiệp và Môi trường có quyền:”;

e) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 5 như sau:

“5. Thanh tra về đất đai, bao gồm Chánh Thanh tra Sở, Trưởng đoàn thanh tra Sở Nông nghiệp và Môi trường; Trưởng đoàn thanh tra Bộ Nông

ng nghiệp và Môi trường; Chánh Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Môi trường có quyền:”.

2. Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 Điều 31 như sau:

“4. Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát điều tra về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường, Trưởng phòng An ninh kinh tế, Trưởng phòng cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội có quyền:”.

3. Sửa đổi đoạn mở đầu của các khoản 2, 3 và 4 Điều 32 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu khoản 2 như sau:

“2. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường thuộc Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương có quyền:”;

b) Sửa đổi đoạn mở đầu khoản 3 như sau:

“3. Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương, Trưởng phòng Nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu khoản 4 như sau:

“4. Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:”.

4. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của các khoản 3, 4 và 5 Điều 33 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Đội trưởng Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu; Đội trưởng Đội Phúc tập và Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội Thông quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực; Đội trưởng Đội Kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu; Đội trưởng Đội Kiểm tra sau thông quan khu vực thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan có quyền:”;

b) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan thuộc Cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực có quyền:”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 5 như sau:

“5. Cục trưởng Cục Hải quan có quyền:”.

5. Bỏ một số cụm từ, bãi bỏ một số khoản của Nghị định như sau:

a) Bỏ cụm từ “chuyên ngành” tại tên điều và khoản 1 Điều 29;

b) Bãi bỏ khoản 2 Điều 33.

Điều 47. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm

hành chính trong lĩnh vực thủy sản

1. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của các khoản 3, 4 và 5 Điều 50 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Đội trưởng Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu; Đội trưởng Đội Phúc tập và Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội Thông quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực; Đội trưởng Đội Kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu; Đội trưởng Đội Kiểm tra sau thông quan khu vực thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan có quyền:”;

b) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan thuộc Cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực có quyền:”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 5 như sau:

“5. Cục trưởng Cục Hải quan có quyền:”.

2. Sửa đổi đoạn mở đầu của các khoản 2, 3 và 4 Điều 51 như sau:

a) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường thuộc Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương có quyền:”;

b) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương, Trưởng phòng Nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:”.

3. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 52 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 1 như sau:

“1. Thanh tra viên, Thanh tra viên nông nghiệp, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra trong lĩnh vực nông nghiệp đang thi hành công vụ có quyền:”;

b) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Chánh Thanh tra Sở Nông nghiệp và Môi trường; Trưởng đoàn thanh tra Sở Nông nghiệp và Môi trường có quyền:”;

c) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Chánh Thanh tra tỉnh, Trưởng đoàn thanh tra Bộ Nông nghiệp và Môi trường có quyền.”;

d) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chánh Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư có quyền.”.

4. Sửa đổi đoạn mở đầu của các khoản 4 và 5 Điều 54 như sau:

a) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm vùng, Đội trưởng Đội Kiểm lâm đặc nhiệm thuộc Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm có quyền.”;

b) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 5 như sau:

“5. Cục trưởng Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm có quyền.”.

5. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 55 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 như sau:

“1. Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II Nghị định này.”;

b) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 8 như sau:

“8. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra.”;

c) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 8 như sau:

“a) Thanh tra viên, Thanh tra viên nông nghiệp, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra trong lĩnh vực thủy sản xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 38 theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 52 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ được giao.”.

6. Thay thế, bỏ một số cụm từ, bãi bỏ một số điểm, khoản của Nghị định như sau:

a) Thay thế cụm từ “Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu” bằng cụm từ “Trưởng phòng Cảnh sát điều tra về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường” tại khoản 4 Điều 47;

b) Thay thế cụm từ “Phát triển nông thôn” bằng cụm từ “Môi trường” tại các điểm b, c và d khoản 8 Điều 55;

c) Bỏ các cụm từ “Trưởng Công an cấp huyện;”, “Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt;”, “Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ;”, “Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy;”, “Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường,” tại khoản 4 Điều 47;

d) Bỏ cụm từ “chuyên ngành” tại điểm b khoản 8 Điều 55;

đ) Bỏ cụm từ “chuyên ngành về thủy sản” tại điểm c khoản 8 Điều 55;

e) Bãi bỏ khoản 2 Điều 50; khoản 4 Điều 53¹; các điểm đ và e khoản 8 Điều 55.

Điều 48. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình

1. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của các khoản 3, 4 và 5 Điều 72 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Đội trưởng Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu; Đội trưởng Đội Phục tập và Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội Thông quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực; Đội trưởng Đội Kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu; Đội trưởng Đội Kiểm tra sau thông quan khu vực thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan có quyền:”;

b) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan thuộc Cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực có quyền:”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 5 như sau:

“5. Cục trưởng Cục Hải quan có quyền:”.

2. Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 và khoản 5 Điều 73 như sau:

a) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm vùng, Đội trưởng Đội Kiểm lâm đặc nhiệm thuộc Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm có quyền:”;

b) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 5 như sau:

“5. Cục trưởng Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm có quyền:”.

3. Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 Điều 74 như sau:

“4. Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư có quyền:”.

4. Sửa đổi đoạn mở đầu của các khoản 2, 3 và 4 Điều 75 như sau:

a) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường thuộc Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương có quyền:”;

b) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

¹ Do khoản 4 Điều 52 đã quy định Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư nên giữ là bị trùng (đã gộp vào nhau).

“3. Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương, Trưởng phòng Nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền.”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền.”.

5. Thay thế, bỏ một số cụm từ, bãi bỏ một số điểm, khoản của Nghị định như sau:

a) Thay thế cụm từ “Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu” bằng cụm từ “Trưởng phòng Cảnh sát điều tra về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường” tại khoản 4 Điều 69;

b) Thay thế cụm từ “Lao động – Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Y tế” tại khoản 9 Điều 78;

c) Bỏ các cụm từ “Trưởng Công an cấp huyện;”, “Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt;”, “Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ;”, “Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy;”, “Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường,” tại khoản 4 Điều 69;

d) Bỏ cụm từ “, Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm” tại khoản 3 Điều 76 và khoản 11 Điều 78;

đ) Bỏ cụm từ “chuyên ngành” tại khoản 4 Điều 76, khoản 12 Điều 78 và khoản 2 Điều 79;

e) Bãi bỏ khoản 2 Điều 72.

Điều 49. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 49/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ)

1. Sửa đổi, bổ sung các khoản 6, 7 và 8 Điều 43 như sau:

a) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 6 như sau:

“6. Đội trưởng Đội Thuế có quyền.”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 7 như sau:

“7. Chi cục trưởng Chi cục Thuế có quyền.”;

c) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 8 như sau:

“8. Cục trưởng Cục Thuế có quyền.”.

2. Bổ sung khoản 10a vào sau khoản 10 Điều 43 như sau:

“10a. Chánh Thanh tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 35.000.000 triệu đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 25; khoản 3 Điều 26; khoản 2 Điều 27; khoản 3 Điều 28; khoản 2 Điều 29; khoản 8 Điều 30 và khoản 6 Điều 32 Nghị định này.”.

3. Thay thế, bỏ một số cụm từ, bãi bỏ một số điểm, khoản của Nghị định như sau:

a) Thay thế cụm từ “chuyên ngành” bằng “về” tại khoản 2 Điều 42;

b) Bỏ cụm từ “chuyên ngành” tại các khoản 9, 10 và 11 Điều 43;

c) Bãi bỏ khoản 5 Điều 43.

Điều 50. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 48/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ, Nghị định số 80/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ, Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ)

1. Sửa đổi khoản 1 Điều 52 như sau:

“1. Thanh tra viên được giao nhiệm vụ thanh tra trong lĩnh vực tài chính đang thi hành công vụ có quyền:”.

2. Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Điều 52 như sau:

“2a. Chánh Thanh tra tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 70.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xổ số thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 2 Điều 4 của Nghị định này.”.

Điều 51. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 41/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ)

1. Sửa đổi tên điều và đoạn mở đầu của khoản 1 Điều 52 như sau:

a) Sửa đổi tên điều như sau:

“Điều 70. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra”;

b) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 1 như sau:

“1. Thanh tra viên được giao nhiệm vụ thanh tra trong lĩnh vực tài chính² đang thi hành công vụ có quyền:”.

2. Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Điều 52 như sau:

“2a. Chánh Thanh tra tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 35.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;

d) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán, kiểm toán có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 5 Nghị định này.”.

Điều 52. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ)

1. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 2 Điều 52 như sau:

“2. Chánh Thanh tra sở, Chánh Thanh tra Cục Dự trữ Nhà nước, Trưởng đoàn thanh tra cấp Sở thực hiện chức năng thanh tra trong lĩnh vực dự trữ quốc gia có quyền:”.

2. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 1 Điều 63 như sau:

“1. Chánh thanh tra Sở Tài chính, Chánh Thanh tra Kho bạc Nhà nước, Trưởng đoàn Thanh tra Sở Tài chính có quyền:”.

3. Bổ sung, thay thế, bỏ một số cụm từ, bãi bỏ một số điểm, khoản của Nghị định như sau:

a) Bổ sung cụm từ “Chánh Thanh tra tỉnh,” vào trước cụm từ “Trưởng đoàn thanh tra” tại khoản 3 Điều 30; khoản 2 Điều 39; khoản 3 Điều 52; khoản 3 Điều 63;

b) Bỏ cụm từ “chuyên ngành” tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 30; các khoản 1 và 2 Điều 39; khoản 1 Điều 52; khoản 3 Điều 52; điểm c khoản 1 Điều 62; khoản 3 Điều 63;

c) Bỏ cụm từ “và 53” tại Điều 50;

d) Bỏ từ “Tổng” tại khoản 2 Điều 64;

² Để bao gồm cả Thanh tra viên của Thanh tra tỉnh

e) Bãi bỏ Điều 53; khoản 1 Điều 64.

Điều 53. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ)

1. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của các khoản 3, 4 và 5 Điều 32 như sau:

a) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Đội trưởng Đội Thuế trong phạm vi địa bàn quản lý của mình có quyền:”;

b) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 4 như sau:

“4. Chi cục trưởng Chi cục Thuế trong phạm vi địa bàn quản lý của mình có quyền:”;

c) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 5 như sau:

“5. Cục trưởng Cục Thuế có quyền:”.

2. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 2 và khoản 3 Điều 34 như sau:

a) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Chánh thanh tra Sở Tài chính, Trưởng đoàn thanh tra Sở Tài chính có quyền:”;

b) Sửa đổi đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Chánh Thanh tra tỉnh, Trưởng đoàn thanh tra Bộ Tài chính có quyền:”.

3. Bỏ một số cụm từ, bãi bỏ một số điểm khoản của Nghị định như sau:

a) Bỏ cụm từ “chuyên ngành” tại khoản 2 Điều 35;

b) Bãi bỏ khoản 2 Điều 32.

Điều 54. Thay thế, bỏ một số cụm từ, bãi bỏ một số điểm, khoản của Nghị định số 128/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ)

1. Thay thế cụm từ “Chi cục trưởng Chi cục Hải quan” bằng cụm từ “Đội trưởng Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu” tại đoạn mở đầu và khoản 3 Điều 29; các điểm c và e khoản 6 Điều 32.

2. Thay thế cụm từ “Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” bằng cụm từ “Đội trưởng Đội Phúc tập và Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội Thông quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực” tại khoản 3 Điều 29; điểm c khoản 6 Điều 32.

3. Thay thế cụm từ “thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu” bằng cụm từ “thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu” tại khoản 3 Điều 29; điểm c khoản 6 Điều 32.

4. Thay thế cụm từ “Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan thuộc Cục Kiểm tra sau thông quan” bằng cụm từ “Đội trưởng Đội Kiểm tra sau thông quan khu vực thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan” tại khoản 3 Điều 29; điểm c khoản 6 Điều 32.

5. Thay thế cụm từ “Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu” bằng cụm từ “Chi cục trưởng Chi cục Điều tra chống buôn lậu” tại đoạn mở đầu và khoản 4 Điều 29; điểm d và điểm e khoản 6 Điều 32.

6. Thay thế cụm từ “Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan” bằng cụm từ “Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan” tại đoạn mở đầu và khoản 4 Điều 29; điểm d và điểm e khoản 6 Điều 32.

7. Thay thế cụm từ “thuộc Tổng cục Hải quan” bằng cụm từ “thuộc Cục Hải quan” tại khoản 4 Điều 29; điểm d khoản 6 Điều 32.

8. Thay thế cụm từ “Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” bằng cụm từ “Chi cục Hải quan khu vực” tại đoạn mở đầu và khoản 4 Điều 29; các điểm d và e khoản 6 Điều 32.

9. Thay thế cụm từ “Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Hải quan” tại đoạn mở đầu và khoản 5 Điều 29; các điểm đ và e khoản 6 Điều 32.

10. Bỏ các cụm từ “Đội trưởng Đội Điều tra hình sự,”, “, Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển và Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu hàng giả và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ” tại khoản 3 Điều 29; điểm c khoản 6 Điều 32.

11. Bãi bỏ khoản 2 Điều 29 và điểm b khoản 6 Điều 32.

Điều 55. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 128/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ)

1. Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 Điều 47 như sau:

“1a. Chánh Thanh tra tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền tối đa đến 500.000.000 đồng đối với tổ chức và phạt tiền tối đa đến 250.000.000 đồng đối với cá nhân;

c) Đình chỉ hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn; tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện, chứng chỉ hành nghề chứng khoán có thời hạn;

d) Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 4 Nghị định này.”.

2. Bỏ cụm từ “chuyên ngành” tại khoản 1 Điều 47.

Điều 56. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 137/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh đặt cược và trò chơi có thưởng

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 3 Điều 57 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Thanh tra viên được giao nhiệm vụ thanh tra trong lĩnh vực kinh doanh đặt cược và trò chơi có thưởng đang thi hành công vụ có quyền phạt cảnh cáo.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Chánh Thanh tra tỉnh, Trưởng đoàn thanh tra Bộ Tài chính có quyền:”.

2. Thay thế, bỏ một số cụm từ tại khoản 2 Điều 58 như sau:

a) Thay thế cụm từ “Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu” bằng cụm từ “Trưởng phòng Phòng Cảnh sát điều tra về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường”;

b) Bỏ cụm từ “Trưởng Công an cấp huyện,”.

Điều 57. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 174/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm

1. Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của các khoản 1, 2 và 8 Điều 41 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 1 như sau:

“1. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm có quyền:”;

b) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 2 như sau:

“2. Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước khu vực có quyền:”;

c) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 8 như sau:

“8. Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước có quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 40 Nghị định này:”.

2. Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Điều 41 như sau:

“2a. Chánh Thanh tra tỉnh, Trưởng đoàn thanh tra trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm của Bộ Tài chính có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 70.000.000 đồng;

- c) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 5 Điều 3 của Nghị định này.”.

3. Thay thế, bỏ một số cụm từ, bãi bỏ một số điểm, khoản của Nghị định này như sau:

- a) Thay thế cụm từ “khoản 3 Điều 41” bằng cụm từ “khoản 2a Điều 41” tại điểm a khoản 5 Điều 42;
- b) Bỏ cụm từ “chuyên ngành” tại khoản 1 Điều 42;
- c) Bỏ cụm từ “khoản 7,” tại điểm c khoản 5 Điều 42.
- d) Bãi bỏ khoản 3 và khoản 7 Điều 41.

Điều 8. Điều khoản thi hành

- 1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2025.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, PL (3b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính